**BÀI 1: LỊCH SỬ, TRUYỀN THỐNG CỦA LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM**.

1. Nội dung nào sau đây không đúng với nhiệm vụ,thành tích của lực lượng Công an nhân dân từ năm 1961 đến 1965?

**A.** Tăng cường xây dựng lực lượng.

**B.** Bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc.

**C.** Đẩy mạnh đấu tranh chống lực lượng phản cách mạng và tội phạm khác.

**D. Đánh thắng ‘‘Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mĩ**.

1. Lực lượng Vũ trang nhân dân Việt Nam bao gồm mấy thành phần?

**A.** 2 thành phần. **B. 3 thành phần.**

**C.** 4 thành phần. **D.** 5 thành phần.

.

1. Ngày truyền thống của lực lượng Công an Nhân dân Việt Nam là ngày nào?

**A.** Ngày 22/12. **B. Ngày 19/8**. **C.** Ngày 18/9. **D.** Ngày 22/5.

1. Từ tháng 11/1945 đến tháng 5/1946, quân đội Việt Nam mang tên là

**A. Vệ quốc đoàn**. **B.** Cứu quốc quân. **C.** Quốc dân quân. **D.** Cận vệ Đỏ.

1. Nội dung nào sau đây không đúng với nhiệm vụ,thành tích của lực lượng Công an nhân dân từ năm 1951 đến 1968?

**A.** Giữ gìn an ninh chính trị,trật tự an toàn xã hội.

**B. Đánh thắng ‘‘Chiến tranh đặc biệt”của đế quốc Mĩ**.

**C.** Góp phần làm thất bại ‘‘Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mĩ.

**D.** Góp phần đánh thắng chiến tranh phá hoại Miền Bắc lần thứ nhất của đế quốc Mĩ.

1. Nội dung nào sau đây là thành tích của lực lượng Công an nhân dân từ năm 1969 đến 1973?

**A.** Góp phần đánh thắng ‘‘Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mĩ.

**B.** Góp phần đánh thắng ‘‘Chiến tranh đặc biệt”của đế quốc Mĩ.

**C. Góp phần làm phá sản chiến lược ‘‘Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mĩ**.

**D.** Đánh thắng ‘‘Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mĩ.

1. Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng truyền thống của Quân đội Nhân dân Việt Nam?

**A.** Trung thành vô hạn với sự nghiệp cách mạng của Đảng.

**B.** Nội bộ đoàn kết thống nhất,kỉ luật tự giác,nghiêm minh.

**C. Tinh thần tự lực,tự cường,không có sự đoàn kết quốc tế.**

**D.** Quyết chiến,quyết thắng,biết đánh,biết thắng.

1. Nội dung nào sau đây là nhiệm vụ của lực lượng Công an nhân dân từ năm 1973 đến 1975?

**A.** Góp phần đánh thắng ‘‘Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mĩ.

**B.** Góp phần đánh thắng ‘‘Chiến tranh đặc biệt”của đế quốc Mĩ.

**C.** Đánh thăng ‘‘Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mĩ.

**D. Cùng cả nước dốc sức giải phóng miến Nam,thống nhất đất nước**.

1. Một trong những truyền thống vẻ vang của Công an nhân dân Việt Nam là gì?

**A. Trung thành tuyệt đối với sự nghiệp của Đảng.**

**B.** Trung thành vô hạn với nông dân lao động.

**C.** Trung thành vô hạn với nhà nước và toàn dân.

**D.** Trung thành vô hạn với nhà nước.

1. Tháng 4/1945, Hội nghị Quân sự Bắc Kì của Đảng quyết định hợp nhất các tổ chức vũ trang trong nước thành

**A.** Việt Nam Cứu quốc quân. **B.** Quân đội nhân dân Việt Nam.

**C. Việt Nam Giải phóng quân. D.** Quân đội quốc gia Việt Nam.

1. Một trong những truyền thống vẻ vang của Công an nhân dân Việt Nam là gì?

**A.** Đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược.

**B. Vì nhân dân phục vụ,dựa vào dân làm việc và chiến đấu.**

**C.** Chiến đấu kiên quyết với bọn phản động.

**D.** Quyết chiến,quyết thắng,đánh thắng.

1. Ai là tác giả của câu nói nổi tiếng:“Cuộc đời đẹp nhất là trên trận tuyến chống quân thù”?

**A.** Phạm Tuân. **B. Lê Mã Lương**. **C.** Nguyễn Viết Xuân. **D.** Lý Tự Trọng.

1. Một trong những truyền thống vẻ vang của Công an nhân dân Việt Nam là gì?

**A.** Chiến đấu quyết liệt với kẻ thù.

**B. Độc lập,tự chủ,tự lực tự cường,tiếp thu vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm bảo vệ an ninh,những thành tựu khoa học công nghệ phục vụ công tác và chiến đấu**.

**C.** Thực hiện toàn quân với dân một ý chí chiến đấu.

**D.** Hết lòng giúp đỡ nhau lúc ra trận.

1. Anh hùng lực lượng vũ trang nào được nhắc đến trong câu đố dưới đây?

“Anh hùng chiến dịch Đông Khê

**C**hặt tay mình để tiện bề tiến công”

**A. La Văn Cầu**. **B.** Bế Văn Đàn. **C.** Phan Đình Giót. **D.** Tô Vĩnh Diện.

1. Ngày truyền thống của Quân đội nhân dân Việt Nam là ngày nào?

**A. Ngày 22/12. B.** Ngày 19/8. **C.** Ngày 18/9. **D.** Ngày 22/5.

1. Nội dung nào sau đây không phải là truyền thống vẻ vang của Công an nhân dân Việt Nam?

**A.** Cảnh giác,bí mật,mưu trí,sáng tạo trong chiến đấu. **B.** Tận tụy trong công việc.

**C.** Cơ động nhanh,chiến đấu rất giỏi,linh hoạt. **D. Dũng cảm, kiên quyết,khôn khéo trong chiến đấu**.

1. Ngày truyền thống của Quân đội nhân dân Việt Nam là ngày nào?

**A. Ngày 22/12. B.** Ngày 19/8. **C.** Ngày 18/9. **D.** Ngày 22/5.

1. Một trong những truyền thống vẻ vang của Công an nhân dân Việt Nam là gì?

**A. Quan hệ quốc tế trong sáng,thủy chung,nghĩa tình**.

**B.** Chiến đấu sát cánh bên nhau với lực lượng công an quốc tế.

**C.** Chiến đấu kiên quyết với kẻ thù xâm lược từ bên ngoài.

**D.** Luôn lắng nghe và quan tâm đến nguyện vọng của nhân dân.

1. Đảng Cộng sản Việt nam lãnh đạo Công an nhân dân Việt Nam theo nguyên tắc nào?

**A.** Tuyệt đối,trực tiếp và toàn diện. **B. Tuyệt đối,trực tiếp về mọi mặt**.

**C.** Toàn diện,trực tiếp về mọi mặt. **D.** Tuyệt đối,toàn diện về mọi mặt.

1. Ai là tác giả của câu nói nổi tiếng: “Cuộc đời đẹp nhất là trên trận tuyến chống quân thù”?

**A.** Phạm Tuân. **B. Lê Mã Lương.**

**C.** Nguyễn Viết Xuân. **D.** Lý Tự Trọng.

1. Lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh với lực lượng Công an nhân dân có nội dung nào sau đây?

**A. Vì nước quên thân,vì dân phục vụ**. **B.** Kẻ thù nào cũng đánh thắng.

**C.** Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành. **D.** Khó khăn nào cũng vượt qua.

1. Ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập theo chỉ thị của?

**A.** Võ Nguyên Giáp. **B. Hồ Chí Minh. C.** Văn Tiến Dũng. **D.** Phạm Văn Đồng.

1. Lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh với lực lượng Công an nhân dân có nội dung nào sau đây?

**A.** Phải trung thành với nhiệm vụ chiến đấu được giao.

**B. Với địch phải kiên quyết,khôn khéo**.

**C.** Với địch phải chiến đấu một cách kiên quyết.

**D.** Với công việc phải hoàn thành thật tốt.

1. Thể hiện tập trung nhất về sự hợp tác quốc tế của lực lượng Công an nhân dân Việt Nam là:

**A.** Sự phối hợp một cách tuyệt đối trong công tác của công an Việt Nam với công an Lào anh em.

**B.** Sự chi viện tuyệt đối trong công tác của công an Việt Nam với công an Lào,Campuchia anh em.

**C. Sự phối hợp công tác của công an Việt Nam,Lào và Campuchia trong cuộc kháng chiến chống Pháp và Mĩ.**

**D.** Sự phối hợp công tác của công an Việt Nam với công an các nước trong cuộc kháng chiến chống Pháp và Mĩ.

1. Ngày 22/12/1944, theo chỉ thị của Hồ Chí Minh,lực lượng vũ trang được thành lập với tên gọi là

**A.** Trung đội Cứu quốc quân III. **B.** Đội du kích Bắc Sơn.

**C. Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân. D.** Việt Nam Giải phóng quân.

1. Chiến thắng nào của quân dân Việt Nam đã giáng đòn quyết định, đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và can thiệp Mĩ?

**A.** Chiến thắng Việt Bắc thu – đông (1947). **B.** Chiến thắng Biên giới thu – đông (1950).

**C.** Chiến thắng Hòa Bình đông – xuân (1951 – 1952). **D. Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954).**

1. Nội dung nào không phản ánh đúng tình hình Việt Nam những năm đầu sau Hiệp định Giơnevơ (1954)?

**A.** Mĩ nhảy vào miền Nam Việt Nam, dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

**B.** Pháp rút quân khi chưa thực hiện cuộc hiệp thương giữa hai miền Nam – Bắc.

**C.** Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

**D. Tổng tuyển cử tự do thống nhất hai miền đất nước được thực hiện.**

1. Chiến lược “diễn biến hòa bình” do lực lượng nào tiến hành:

**A.** Chủ nghĩa đế quốc và các lực lượng khủng bố. **B. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động.**

**C.** Chủ nghĩa đế quốc và các phần tử cơ hội. **D.** Chủ nghĩa đế quốc và các phần tử quá khích.

1. “Nắm chắc những chố mạnh, chố yếu của nhà Tống,Lý Thường Kiệt mở đầu cuộc kháng chiến chống ngoại xâm bằng một cuộc tiến công trước để tự vệ.Hành động tiến công tích cực đó đã giáng cho kẻ thù một đòn phủ đầu bất ngờ và tạo ra một thế chiến lược chủ động cho toàn bộ cuộc chiến tranh yêu nước.” Đoạn tư liệu trên đề cập đến chiến thuật quân sự nào của quân dân Đại Việt?

**A.** “Vườn không nhà trống”. **B. “Tiên phát chế nhân”.**

**C.** “Đánh nhanh thắng nhanh”. **D.** “Đánh điểm diệt viện”.

1. Lịch sử Việt Nam ghi nhận mốc thời gian chấm dứt thời kỳ Bắc thuộc lần thứ nhất là năm

**A.** 936. **B.** 937. **C. 938. D.** 939.

**BÀI 2: NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ LUẬT VỀ QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH VIỆT NAM**

1. Luật Giáo dục quốc phòng an ninh năm 2013 gồm có mấy chương và bao nhiêu điều?

**A.** 8 chương 37 điều. **B.** 9 chương 23 điều.

**C.** 12 chương 37 điều.

**D. 8 chương 47 điều.**

1. Công dân nam thuộc trường hợp nào dưới đây không được tạm hoãn gọi nhập ngũ trong thời bình?

**A.** Có anh, chị hoặc em ruột là hạ sĩ quan,binh sĩ đang phục vụ tại ngũ.

**B. Công dân đi du học ở nước ngoài có thời gian đào tạo dưới 6 tháng.**

**C.** Học sinh học tập theo chương trình giáo dục thường xuyên cấp THCS.

**D.** Học viên là hạ sĩ quan, binh sĩ đang học tập tại các trường quân đội.

.

1. Môn học Giáo dục Quốc phòng an ninh không phải là môn học chính khóa đối với đối tượng nào dưới đây?

**A.** Học sinh cấp trung học phổ thông.

**B.** Học sinh ở các trường trung cấp chuyên nghiệp.

**C.** Học sinh ở các trường trung cấp nghề.

**D. Học sinh cấp tiểu học và trung học cơ sở.**

1. Việc kiểm tra sức khỏe cho những người đăng kí nghĩa vụ quân sự lần đầu do cơ quan nào phụ trách?

**A. Cơ quan quân sự cấp huyện (quận).**

**B.** Hội đồng khám sức khỏe cấp huyện (quận).

**C.** Ban chỉ huy quân sự cấp huyện (quận).

**D.** Hội đồng khám sức khỏe cấp xã (phường).

1. Một trong những nội dung xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh của nền quốc phòng toàn dân,an ninh nhân dân là:

**A.** Hiện đại hóa đất nước, xây dựng nền quốc phòng giàu mạnh.

**B. Xây dựng đội ngũ cán bộ trong lực lượng vũ trang vững mạnh.**

**C.** Phát triển trình độ chiến đấu của lực lượng hải quân trên biển.

**D.** Tổ chức bố trí lực lượng vũ trang rộng khắp trên toàn lãnh thổ.

1. Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng sự cần thiết ban hành luật nghĩa vụ quân sự?

**A.** Kế thừa và phát huy truyền thống yêu nước của nhân dân Việt Nam.

**B.** Tạo điều kiện cho công dân làm tròn nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

**C.** Đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

**D. Phục vụ mục tiêu xây dựng quân đội hùng mạnh hàng đầu khu vực châu**.**Á.**

1. Kế thừa và phát huy chế độ tình nguyện tòng quân, miền Bắc Việt Nam bắt đầu thực hiện nghĩa vụ quân sự từ năm nào?

**A. Năm 1960.**

**B.** Năm 1976.

**C.** Năm 1976.

**D.** Năm 1986.

1. Một trong những đặc điểm của nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân là:

**A. Được xây dựng toàn diện và từng bước hiện đại**.

**B.** Lấy quân đội nhân dân làm nòng cốt trong xây dựng.

**C.** Nền an ninh nhân dân hỗ trợ cho nền quốc phòng toàn dân.

**D.** Được xây dựng dựa vào vũ khí và phương tiện hiện đại.

1. Ở Việt Nam, chế độ nghĩa vụ quân sự được thực hiện trên phạm vi cả nước từ năm nào?

**A.** Năm 1960.

**B. Năm 1976.**

**C.** Năm 1976.

**D.** Năm 1986.

1. Cấu trúc Luật nghĩa vụ quân sự 2005 của Việt Nam bao gồm:

**A.** Lời giới thiệu,10 chương,70 điều.

**B. Lời nói đầu,11 chương,71 điều.**

**C.** Thư ngỏ,12 chương,72 điều.

**D.** Lời hiệu triệu,13 chương,73 điều.

1. Một trong những nhiệm vụ xây dựng nền an ninh nhân dân vững mạnh là:

**A.** Giáo dục tình yêu quê hương đất nước cho nhân dân.

**B. Giữ vững ổn định và phát triển của mọi hoạt động, mọi lĩnh vực của đời sống.**

**C.** Đấu tranh chống âm mưu, hành động chuẩn bị xâm lược của kẻ thù.

**D.** Nâng cao trình độ nhận thức của thế hệ trẻ về quốc phòng, an ninh.

1. Ở Việt Nam, theo Luật nghĩa vụ quân sự 2005, công dân thực hiện nghĩa vụ quân sự trong độ tuổi từ

**A.** 15 đến 45 tuổi.

**B.** 20 đến 50 tuổi.

**C. 18 đến 45 tuổi.**

**D.** 18 đến 25 tuổi.

1. Quân hàm của sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam gồm có mấy cấp?

**A. 3 cấp.**

**B.** 4 cấp.

**C.** 2 cấp.

**D.** 5 Cấp.

1. Ở Việt Nam, theo Luật nghĩa vụ quân sự 2005, độ tuổi phục vụ tại ngũ của công dân là từ

**A. 15 đến hết 45 tuổi.**

**B.** 20 đến hết 50 tuổi.

**C.** 18 đến hết 45 tuổi.

**D.** 18 đến hết 25 tuổi.

1. Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng nghĩa vụ của quân nhân tại ngũ và quân nhân dự bị?

**A.** Nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng,sẵn sàng hi sinh để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

**B.** Gương mẫu chấp hành đường lối,chính sách của Đảng,pháp luật của Nhà nước.

**C.** Kiên quyết bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa,bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân.

**D. Chỉ cần chấp hành điều lệnh,điều lệ của Quân đội; không quan tâm đến luật pháp.**

1. Một trong những nội dung xây dựng tiềm lực của nền quốc phòng toàn

**A.** Xây dựng tiềm lực vũ khí trang bị hiện đại cho quân đội.

**B.** Xây dựng khả năng chiến đấu với kẻ thù xâm lược cho nhân dân.

**C.** Xây dựng và giữ gìn truyền thống văn hóa của dân tộc.

**D. Xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh.**

1. Ở Việt Nam,đối tượng nào dưới đây không được thực hiện nghĩa vụ quân sự?

**A.** Công dân là nam giới.

**B.** Công dân là nữ giới.

**C. Người đang bị giam giữ.**

**D.** Người theo đạo Công giáo.

1. Ở Việt Nam,trong thời bình,công dân nữ trong trong độ tuổi bao nhiêu có trách nhiệm đăng kí nghĩa vụ quân sự?

**A.** 18 tuổi đến 45 tuổi.

**B.** 20 tuổi đến 45 tuổi.

**C. 18 tuổi đến 40 tuổi.**

**D.** 20 tuổi đến 40 tuổi.

1. Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999, được sửa đổi,bổ sung một số điều vào năm 2008 và 2014,bao gồm

**A.** 8 chương 24 điều.

**B.** 11 chương 33 điều.

**C. 7 chương 51 điều.**

**D.** 3 chương 51 điều.

1. Theo Luật nghĩa vụ quân sự 2005, thời hạn phục vụ tại ngũ trong thời bình của hạ sĩ quan và binh sĩ là

**A.** 17 tháng.

**B. 18 tháng.**

**C.** 19 tháng.

**D.** 20 tháng.

1. Thời hạn phục vụ tại ngũ trong thời bình của hạ sĩ quan chỉ huy,hạ sĩ quan và binh sĩ chuyên môn kĩ thuật do quân đội đào tạo,hạ sĩ quan và binh lính trên tàu hải quân là

**A.** 21 tháng.

**B.** 22 tháng.

**C.** 23 tháng.

**D. 24 tháng.**

1. Một trong những đặc điểm của nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân là:

**A. Nền quốc phòng toàn dân gắn chặt với nền an ninh nhân dân.**

**B.** Nền quốc phòng toàn dân đóng vai trò chủ đạo,quyết định.

**C.** Nền quốc phòng toàn dân chi viện,hỗ trợ cho nền an ninh nhân dân.

**D.** Nền quốc phòng toàn dân luôn độc lập với nền an ninh nhân dân.

1. Công dân thuộc trường hợp nào dưới đây không được miễn gọi nhập ngũ trong thời bình?

**A.** Con của liệt sĩ,con của thương – bệnh binh hạng một.

**B.** Một người anh hoặc em trai của liệt sĩ.

**C. Con trai/ gái của thương – bệnh binh hạng ba.**

**D.** Cán bộ viên chức đã phục vụ trên 24 tháng ở vùng sâu,vùng xa.

1. Mục tiêu Giáo dục quốc phòng và an ninh là

**A. Giáo dục cho công dân kiến thức về quốc phòng và an ninh.**

**B.** Bồi dưỡng ở người học các phẩm chất:trung thực,đoàn kết.

**C.** Giúp công dân hiểu được chức năng của sĩ quan công an.

**D.** Bồi dưỡng ở người học các kĩ năng:giao tiếp,làm việc nhóm.

1. Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng nội dung khi xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân,an ninh nhân dân?

**A. Xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh ở các xã,phường trên cả nước.**

**B.** Xây dựng phương án,triển khai lực lượng sẵn sàng đối phó với mọi tình huống.

**C.** Kết hợp chặt chẽ thế trận quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân.

**D.** Phân vùng chiến lược với quốc phòng,an ninh kết hợp với phân vùng kinh tế.

1. Xây dựng tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân,an ninh nhân dân cần quan tâm nội dung nào?

**A.** Công nghiệp hóa,hiện đại hóa nền kinh tế.

**B.** Xây dựng nền kinh tế,đẩy mạnh xuất khẩu và trao đổi thương mại.

**C. Gắn xây dựng cơ sở hạ tầng của nền kinh tế với xây dựng cơ sở của nền quốc phòng,an ninh.**

**D.** Tăng cường xuất khẩu tài nguyên khoáng sản là động lực phát triển kinh tế.

1. Một trong những biện pháp chủ yếu xây dựng nền quốc phòng toàn dân là:

**A.** Nêu cao trách nhiệm công dân với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

**B.** Tăng cường giáo dục nghĩa vụ, trách nhiệm công dân.

**C. Luôn thực hiện tốt giáo dục quốc phòng, an ninh**.

**D.** Tăng cường giáo dục nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

1. Một trong những đặc điểm của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là:

**A.** Lực lượng vũ trang nhân dân,quân đội nhân dân làm nòng cốt.

**B.** Quốc phòng phát triển theo hướng độc lập,tự cường và hiện đại.

**C.** Nền quốc phòng Đảng lãnh đạo,Nhà nước quản lý,nhân dân làm nòng cốt.

**D. Nền quốc phòng toàn dân,an ninh nhân dân của dân,do dân và vì dân.**

1. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân không gồm nội dung nào sau đây?

**A. Kết hợp phát triển mạnh về kinh tế xã hội với tăng cường sức mạnh quốc phòng.**

**B.** Trong chiến tranh đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược.

**C.** Trong hòa bình bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền,toàn vẹn lãnh thổ.

**D.** Đánh bại mọi âm mưu,thủ đoạn “diễn biến hòa bình”,bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

1. Tiềm lực chính trị,tinh thần được biểu hiện ở một trong những nội dung nào?

**A.** Khả năng huy động, khơi dậy lòng yêu nước với nhiệm vụ quốc phòng,an ninh.

**B.** Nâng cao trách nhiệm của lực lượng vũ trang với nhiệm vụ quốc phòng,an ninh.

**C. Sự lãnh đạo của Đảng,quản lý điều hành của nhà nước đối với quốc phòng,an ninh.**

**D.** Là sự huy động nhân tố tinh thần phục vụ nhiệm vụ quốc phòng,an ninh.

**B**ài 3: Ma túy và tác hại của ma túy - GDQP 10 Cánh diều.

1. Nguyên nhân chủ quan dẫn đến nghiện về ma túy là gì?

**A.** Hiểu biết về ma túy nhưng coi thường hậu quả của nó.

**B.** Biết rõ về hậu quả,dùng quá nhiều.

**C.** Biết rõ về hậu quả vẫn sử dụng.

**D. Thiếu hiểu biết về tác hại của ma túy nên bị lôi kéo sử dụng**.

1. Nội dung nào sau đây không phải là dấu hiệu để nhận biết học sinh nghiện ma túy?

**A.** Hay toát mồ hôi,ngáp vặt,ngủ gật,lực học giảm sút.

**B. Thích ăn mặc, trang điểm lòe loẹt khác người**.

**C.** Thường xin ra ngoài đi vệ sinh trong khi học tập.

**D.** Tính tình cáu gắt,da xanh tái,trầm cảm

.

1. Theo Từ điển Tiếng Việt:Ma túy là tên gọi chung cho tất cả các chất có tác dụng

**A. Gây trạng thái ngây ngất,đờ đẫn,dùng quen thành nghiện.**

**B.** An thần,hỗ trợ giảm đau nhức xương khớp,dùng quen thành nghiện.

**C.** Kích thích thần kinh,nảy sinh ảo giác nhưng không gây nghiện.

**D.** Tiêu viêm,giảm đau,hạ sốt và không gây nghiện.

1. Loại hoa quả nào sau đây được gọi là chất ma túy?

**A.** Quả Morphine tươi hoặc sấy khô.

**B.** Lá cây thuốc lá tươi hoặc khô.

**C. Quả thuốc phiện tươi hoặc khô**.

**D.** Lá cây Morphine tươi hoặc sấy khô.

1. Theo Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,ma túy không bao gồm chất nào dưới đây?

**A.** Nhựa cây thuốc phiện.

**B. Thảo quả khô.**

**C.** Quả thuốc phiện khô.

**D.** Heroine và Cacoin.

1. Theo sự phân loại dựa trên nguồn gốc sản xuất,chất nào dưới đây là ma túy tổng hợp?

**A.** Nhựa cây thuốc phiện.

**B.** Thảo mộc cần san.

**C.** Amphetamine.

**D.** Tinh dầu cần sa.

1. Khái niệm về chất ma túy trong Luật phòng chống ma túy được quy định trong danh mục do Chính phủ ban hành là chất gì?

**A.** Là chất kích thích,sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện.

**B.** Là chất gây bệnh tâm thần,nếu sử dụng một lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện.

**C. Là chất kích thích,ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác,nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện**.

**D.** Là chất gây bệnh tâm thần,nếu sử dụng một vài lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện hoặc bệnh tâm thần.

1. Chất hướng thần khác chất gây nghiện về khả năng gây nghiện như thế nào?

**A.** Sử dụng một lần sẽ dẫn tới tình trạng nghiện.

**B.** Sử dụng nhiều lần vẫn có thể không nghiện.

**C.** Nếu sử dụng nhiều lần sẽ dẫn tới chết.

**D. Nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện**.

1. Chất Ancoloit từ cây thuốc phiện,côca và cần sa là:

**A.** Chất ma túy có nguồn gốc thiên nhiên.

**B.** Chất ma túy có nguồn gốc sinh học.

**C. Chất ma túy có nguồn gốc tự nhiên**.

**D.** Chất ma túy có nguồn gốc thực vật.

1. Theo sự phân loại dựa theo mức độ gây nghiện và khả năng bị lạm dụng,chất nào dưới đây thuộc nhóm ma túy có hiệu lực thấp?

**A.** Heroine.

**B.** Cocaine.

**C.** Ecstasy.

**D. Diazepam.**

1. Các chất ma túy Amphetaminne,Metamphetamine là:.

**A. Chất ma túy tổng hợp**.

**B.** Chất ma túy bán tổng hợp.

**C.** Chất ma túy tự nhiên.

**D.** Chất ma túy bán tự nhiên.

1. Thuốc phiện sống (tươi)là nhựa thuốc phiện,nó có tính chất gì?

**A.** Lỏng,màu nâu sẫm,tan trong nước.

**B. Đông đặc,màu đen sẫm,không tan trong nước**.

**C.** Dạng bột, màu trắng đục,không tan trong nước.

**D.** Đông đặc,màu đen,tan trong nước.

1. Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng về đặc điểm của nhóm chất ma túy có hiệu lực thấp?

**A.** Là những chất ma túy có hoạt tính sinh học thấp.

**B.** Có tác dụng an thần, ví dụ như:diazepam,clordiazepam….

**C.** Là những chất ma túy có độc tính thấp.

**D. Gây ức chế thần kinh, nảy sinh ảo giác nhưng không gây nghiện.**

1. Phân loại chất ma túy dựa vào tác dụng của nó đối với tâm sinh lí người sử dụng thì có các nhóm nào?

**A.** Thần kinh; gây kích thích; gây cảm giác.

**B. An thần; gây kích thích; gây ảo giác**.

**C.** Tâm thần; gây hoang tưởng; gây ảo tưởng.

**D.** Tê liệt thần kinh; gây cảm giác; gây ảo giác.

1. Chất nào dưới đây thuộc nhóm chất ma túy an thần?

**A. Morphine.**

**B.** Cocaine.

**C.** Cần sa.

**D.** Lesergide.

1. Chất ma túy Heroine tồn tại ở dạng tinh thể không lẫn tạp chất, có màu,mùi,vị như thế nào?

**A.** Dạng tinh thể không màu.

**B.** Màu trắng, mùi hắc,vị ngọt.

**C. Màu trắng, không mùi,vị đắng**.

**D.** Màu trắng, mùi hắc,vị chua.

1. Chất nào dưới đây thuộc nhóm chất ma túy gây ảo giác?

**A.** Morphine.

**B.** Cocaine.

**C. Cần sa.**

**D.** Heroine.

1. Nội dung nào dưới đây mô tả đúng đặc điểm của thuốc phiện sống (còn gọi là thuốc phiện tươi)?

**A. Là nhựa thuốc phiện đông đặc, màu đen sẫm,không tan trong nước.**

**B.** Thường tồn tại ở dạng tinh thể màu trắng, không mùi và có vị đắng.

**C.** Là nhựa thuốc phiện đông đặc, có màu trắng,tan trong nước.

**D.** Kết tinh dạng bột tinh thể màu trắng, không có mùi và có vị đắng.

1. Nội dung nào dưới đây mô tả đúng đặc điểm của Heroine tinh khiết?

**A.** Là nhựa thuốc phiện đông đặc, màu đen sẫm,không tan trong nước.

**B. Thường tồn tại ở dạng tinh thể màu trắng, không mùi và có vị đắng.**

**C.** Là nhựa thuốc phiện đông đặc,có màu trắng,tan trong nước.

**D.** Kết tinh dạng bột tinh thể màu đen sẫm, không có mùi và có vị đắng.

1. Cocaine,amphetamine là chất ma túy loại nào?

**A.** Loại gây ảo giác.

**B.** Loại tổng hợp.

**C. Loại an thần**.

**D.** Loại gây kích thích.

1. Heroin là chất ma túy được điều chế như thế nào?

**A.** Cho Morphine tác dụng với nước sôi để nguội.

**B.** Cho Morphine tác dụng với phèn chua.

**C.** Cho Morphine tác dụng với axít béo.

**D. Cho Morphine tác dụng với anhydric axêtic**.

1. “Anh túc” là tên gọi khác của

**A. Cây thuốc phiện.**

**B.** Cây cần sa.

**C.** Cỏ Mĩ.

**D.** Lá Khat.

1. Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng tác hại của chất ma túy đến sức khỏe con người?

**A.** Người nghiện cảm thấy buồn nôn, đau bụng,đại tiện lúc lỏng,lúc táo bón.

**B.** Đối tượng hít ma túy thường bị viêm mũi, viêm xoang,viêm đường hô hấp.

**C. Người nghiệm ma túy thường có sức khỏe tốt**.

**D.** Người nghiện thường bị loạn nhịp tim; huyết áp tăng/ giảm đột ngột.

1. Về mặt tinh thần, người nghiện ma túy không bị mắc hội chứng nào dưới đây?

**A.** Hội chứng quên.

**B. Hội chứng rối loạn đông máu.**

**C.** Hội chứng loạn thần kinh sớm.

**D.** Hội chứng loạn thần kinh muộn.

1. Trách nhiệm của học sinh trong phòng, chống ma túy cần lưu ý điều gì tuyệt đối không được làm?

**A.** Nâng cao cảnh giác tránh bị kẻ xấu lợi dụng, lôi kéo

**b. Khi trong lớp có bạn nghiện ma túy,phải xin phép nghỉ học**

c. Tích cực tham gia phong trào phòng chống ma túy do nhà trường phát động

d. Cam kết không vi phạm pháp luật,không tham gia vào các tệ nạn xã hội,ma túy.

1. Tác hại của ma túy về hệ tiêu hóa với người nghiện như thế nào?

**A.** Cảm giác muốn ăn,nhưng tiết dịch của hệ tiêu hóa giảm

b. Ăn ít,uống nhiều,hoạt động của hệ tiêu hóa bình thường

**c. Cảm giác no,không muốn ăn,tiết dịch của hệ tiêu hóa giảm**

d. Không ăn uống do tiết dịch của hệ tiêu hóa giảm.

1. Chất Ancoloit từ cây thuốc phiện,côca và cần sa là:

**A.** Chất ma túy có nguồn gốc thiên nhiên

b.Chất ma túy có nguồn gốc sinh học

**c.Chất ma túy có nguồn gốc tự nhiên**

d.Chất ma túy có nguồn gốc thực vật.

1. Nội dung nào dưới đây mô tả đúng đặc điểm của thuốc phiện sống (còn gọi là thuốc phiện tươi)?

**A. Là nhựa thuốc phiện đông đặc,màu đen sẫm,không tan trong nước.**

**B.** Thường tồn tại ở dạng tinh thể màu trắng,không mùi và có vị đắng.

**C.** Là nhựa thuốc phiện đông đặc,có màu trắng,tan trong nước.

**D.** Kết tinh dạng bột tinh thể màu trắng,không có mùi và có vị đắng.

1. Nội dung nào dưới đây mô tả đúng đặc điểm của Heroine tinh khiết?

**A.** Là nhựa thuốc phiện đông đặc,màu đen sẫm,không tan trong nước.

**B. Thường tồn tại ở dạng tinh thể màu trắng,không mùi và có vị đắng.**

**C.** Là nhựa thuốc phiện đông đặc,có màu trắng,tan trong nước.

**D.** Kết tinh dạng bột tinh thể màu đen sẫm,không có mùi và có vị đắng.

**B**ài 4: Phòng,chống vi phạm pháp luật về trật tự,an toàn giao thông -

GDQP 10 Cánh diều.

1. Người tham gia giao thông phải đi như thế nào là đúng quy tắc giao thông

**A.** Đi bên phải theo chiều đi của mình;.

**B.** Đi đúng phần đường quy định.

**C.** Chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ.

**D. Tất cả các ý trên.**

1. Phòng,chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự,an toàn giao thông trong nhà trường là trách nhiệm của?

**A.** Nhà trường.

**B.** Sinh viên.

**C. Nhà trường và sinh viên.**

**D.** Không phải trách nhiệm của Nhà trường và sinh viên.

.

1. Hành vi nào dưới đây vi phạm luật giao thông?

**A. Không đội mũ bảo hiểm khi điều khiển xe gắn máy.**

**B.** Bật đèn tín hiệu khi chuyển làn đường,chuyển hướng xe.

**C.** Giảm tốc độ khi điều khiển xe từ đường nhánh ra đường chính.

**D.** Chấp hành nghiêm túc hiệu lệnh của người điều khiển giao thông.

1. Các dấu hiệu pháp lý của tội phạm an toàn giao thông:

**A. Chủ thể; Khách thể; Mặt khách quan,mặt chủ quan của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông.**

**B.** Mặt khách quan,mặt chủ quan của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông.

**C.** Chủ thể của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông.

**D.** Chủ thể; Mặt khách quan của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông.

1. Người điều khiển xe môtô dưới 50 phân khối bắt buộc phải có giấy tờ gì?

**A.** Giấy phép lái xe.

**B.** Chứng nhận đăng kí xe.

**C.** Bảo hiểm dân sự.

**D. Các loại giấy ở Câu b và C.**

1. Có mấy dạng vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự,an toàn giao thông?

**A. 2**.

**B.** 3.

**C.** 4.

**D.** 5.

1. Vi phạm hành chính xảy ra trong lĩnh vực bảo đảm trật tự,an toàn giao thông là?

**A. Là hành vi trái pháp luật,do cá nhân,tổ chức có năng lực trách nhiệm hành chính thực hiện với lỗi cố ý hoặc vô ý,xâm phạm đến hoạt động bảo đảm trật tự,an toàn giao thông và theo quy định của pháp luật phải chịu trách nhiệm hành chính.**

**B.** Là hành vi trái pháp luật,do cá nhân có năng lực trách nhiệm hành chính thực hiện với lỗi cố ý hoặc vô ý,xâm phạm đến hoạt động an toàn giao thông và theo quy định của pháp luật phải chịu trách nhiệm hành chính.

**C.** Là hành vi do cá nhân có năng lực trách nhiệm hành chính thực hiện với lỗi cố ý,xâm phạm đến hoạt động bảo đảm trật tự,an toàn giao thông và theo quy định của pháp luật phải chịu trách nhiệm hành chính.

**D.** Là hành vi trái pháp luật,do cá nhân,tổ chức thực hiện với lỗi cố ý hoặc vô ý,xâm phạm đến hoạt động bảo đảm trật tự,an toàn giao thông phải chịu trách nhiệm hành chính.

1. Độ tuổi phải chịu trách nhiệm về mọi hành vi vi phạm luật về trật tự an toàn giao thông là

**A.** 14 tuổi.

**B. 16 tuổi**.

**C.** 18 tuổi.

**D.** 19 tuổi.

1. Xe cơ giới 2-3 bánh có được kéo đẩy nhau hoặc vật gì khác trên đường không?

**A.** Được phép;.

**B.** Tuỳ trường hợp;.

**C. Tuyệt đối không.**

1. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông phải có điều kiện nào sau đây?

**A.** Có giấy Chứng minh nhân dân.

**B.** Đủ tuổi theo qui định của pháp luật.

**C.** Đã học lái xe.

**D. Có sức khỏe,đủ tuổi,có giấy phép lái xe theo qui định của Luật giao thông đường bộ, bảo đảm điều khiển xe an toàn.**

1. Nồng độ cồn trong cơ thể có thể được xác định bằng các cách nào?

**A. Đo nồng độ cồn trong máu,trong khí thở hoặc trong nước tiểu.**

**B.** Đo nồng độ cồn trong khí thở hoặc trong nước tiểu.

**C.** Đo nồng độ cồn trong máu hoặc trong khí thở.

**D.** Chỉ có thể qua phương pháp đo nồng độ cồn trong khí thở.

1. Đấu tranh chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự,an toàn giao thông là hoạt động của tổ chức nào sau đây?

**A.** Hoạt động của Lực lượng vũ trang có thẩm quyền.

**B.** Hoạt động toàn xã hội.

**C. Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.**

**D.** Hoạt động của các cơ chức năng có thẩm quyền theo qui định.

1. Pháp luật về bảo đảm trật tự,an toàn giao thông là một bộ phận của?

**A.** Hệ thống pháp luật hành chính của Đảng.

**B. Hệ thống pháp luật hành chính Nhà nước.**

**C.** Hệ thống pháp luật hành chính của Quốc hội.

**D.** Hệ thống pháp luật của Bộ Công An.

1. Tốc độ tối đa khi tham gia giao thông đường bộ là?

**A.** Là vận tốc lớn nhất trên một tuyến đường,đoạn đường hoặc làn đường.

**B.** Là vận tốc lớn nhất trên cùng một tuyến đường,đoạn đường hoặc làn đường.

**C. Là tốc độ lớn nhất trên một tuyến đường,đoạn đường hoặc làn đường.**

**D.** Là tốc độ lớn nhất trên cùng một tuyến đường,đoạn đường hoặc làn đường.

1. Khi đèn tín hiệu giao thông màu vàng bật sáng,người điều khiển phương tiện đi chưa đến vạch dừng thì phải làm gì?

**A.** Tiếp tục đi nhưng phải chú ý quan sát tránh gây tai nạn giao thông.

**B. Dừng lại trước vạch dừng.**

**C.** Được đi tiếp nhưng chỉ được rẽ trái.

1. Nội dung của đấu tranh chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự,an toàn giao thông là gì?

**A. Phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự,an toàn giao thông do cá nhân,tổ chức thực hiện.**

**B.** Góp phần áp dụng các biện pháp xử lý tương ứng với mức độ của các hành vi vi phạm đó,góp phần bảo đảm trật tự,an toàn giao thông.

**C.** Một nhiệm vụ của công tác bảo đảm trật tự,an toàn giao thông.

**D.** Tuyên truyền những hành vi vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự,an toàn giao thông do cá nhân,tổ chức thực hiện.

1. Quy định “Đã uống rượu,bia thì không lái xe” trong Luật Phòng,chống tác hại của rượu,bia chính thức có hiệu lực từ ngày tháng năm nào?

**A.** Ngày 14/06/2019.

**B.** Ngày 30/12/2019.

**C. Ngày 01/01/2020**.

1. Tại nơi đường giao nhau không có báo hiệu đi theo đường vòng xuyến,người điều khiển phương tiện phải nhường đường như thế nào là đúng quy tắc giao thông?

**A. Phải nhường đường cho xe đi đến từ bên phải.**

**B.** Xe báo hiệu xin đường trước xe đó được đi trước.

**C.** Phải nhường đường cho xe đi đến từ bên trái.

1. Người điều khiển xe môtô trên 50 phân khối bắt buộc phải có giấy tờ gì?

**A.** Giấy phép lái xe.

**B.** Chứng nhận đăng kí xe.

**C.** Bảo hiểm dân sự.

**D. Tất cả những giấy tờ trên**.

1. Người điều khiển xe đạp máy,xe máy điện có bắt buộc đội mũ bảo hiểm không?

**A.** Không phải đội mũ bảo hiểm.

**B.** Phải đội mũ bảo hiểm.

**C. Phải Đội mũ bảo hiểm có cài quai đúng quy cách**.

1. Có mấy loại dải phân cách?

**A.** Loại cố định;.

**B.** Loại di động;.

**C. Cả hai loại trên.**

1. “Người điều khiển giao thông” gồm những thành phần nào?

**A.** Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông;.

**B. Cảnh sát giao thông,người được giao nhiệm vụ hướng dẫn giao thông tại nơi thi công,nơi ùn tắc giao thông,ở bến phà,tại cầu đường bộ đi chung với đường sắt.**

1. Khi đèn tín hiệu giao thông màu vàng bật sáng,người điều khiển phương tiện đi chưa đến vạch dừng thì phải làm gì?

**A.** Tiếp tục đi nhưng phải chú ý quan sát tránh gây tai nạn giao thông.

**B. Dừng lại trước vạch dừng.**

**C.** Được đi tiếp nhưng chỉ được rẽ trái.

1. Người tham gia giao thông phải đi như thế nào là đúng quy tắc giao thông?

**A.** Đi bên phải theo chiều đi của mình;.

**B.** Đi đúng phần đường quy định.

**C.** Chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ.

**D. Tất cả các ý trên.**

1. Người điều khiển xe môtô trên 50 phân khối bắt buộc phải có giấy tờ gì?

**A.** Giấy phép lái xe.

**B.** Chứng nhận đăng kí xe.

**C.** Bảo hiểm dân sự.

**D. Tất cả những giấy tờ trên**.

1. Bạn đang lái xe trên đường hẹp,xuống dốc và gặp một xe đang đi lên dốc,bạn cần làm gì?

**A.** Tiếp tục đi vì xe lên dốc phải nhường đường cho mình.

**B. Nhường đường cho xe lên dốc.**

**C.** Chỉ nhường đường khi xe lên dốc nháy đèn.

1. Người điều khiển xe mô tô hai bánh,xe gắn máy có được đi xe dàn hàng ngang; đi xe vào phần đường dành cho người đi bộ và phương tiện khác; sử dụng ô,điện thoại di động,thiết bị âm thanh (trừ thiết bị trợ thính)hay không?

**A.** Được phép nhưng phải đảm bảo an toàn.

**B. Không được phép.**

**C.** Được phép tùy từng hoàn cảnh,điều kiện cụ thể.

1. Khi có tín hiệu của xe ưu tiên,người tham gia giao thông phải làm gì?

**A.** Phải nhanh chóng giảm tốc độ,tránh hoặc dừng lại sát lề đường bên phải để nhường đường.

**B.** Phải nhanh chóng giảm tốc độ,tránh sát lề đường để nhường đường cho xe ưu tiên.Cấm các hành vi gây cản trở xe ưu tiên.

**C. Phải nhanh chóng giảm tốc độ,tránh hoặc dừng lại sát lề đường bên phải để nhường đường.Không được gây cản trở xe được ưu tiên.**

1. Pháp luật về bảo đảm trật tự,an toàn giao thông là gì?

**A.** Một bộ phận bao gồm hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành.

**B.** Một bộ phận của hệ thống pháp luật bao gồm hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành.

**C. Một bộ phận của hệ thống pháp luật hành chính nhà nước,bao gồm hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành.**

**D.** Một bộ phận của hệ thống hành chính nhà nước,bao gồm hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành.

1. Người đủ 16 tuổi được điều khiển các loại xe nào dưới đây?

**A.** Xe mô tô hai bánh có dung tích xi lanh từ 50cm³ trở lên.

**B. Xe gắn máy có dung tích lanh từ 50cm³ trở xuống.**

**C.** Xe ô tô tải dưới 3,5 tấn,xe chở người đến 9 chỗ ngồi.

**D.** Tất cả các ý trên.

**B**ài 5:Bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự,an toàn xã hội -

GDQP 10 Cánh diều.

1. Bảo vệ an ninh Tổ quốc là:

**A.** Nhiệm vụ của lực lượng vũ trang,trách nhiệm của quân đội.

**B.** Nhiệm vụ của lực lượng công an,trách nhiệm của công an.

**C.** Nhiệm vụ của toàn Đảng,trách nhiệm của toàn xã hội.

**D. Nhiệm vụ của toàn xã hội,trách nhiệm của mọi công dân**.

1. “Sự ổn định,phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam,sự bất khả xâm phạm độc lập,chủ quyền,thống nhất,toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc” là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

**A. An ninh quốc gia.**

**B.** Trật tự an toàn xã hội.

**C.** Bảo vệ an ninh quốc gia.

**D.** Bảo đảm trật tự,an toàn xã hội.

.

1. “Phòng ngừa,phát hiện,ngăn chặn,đấu tranh chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự,an toàn xã hội” là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

**A.** An ninh quốc gia.

**B.** Trật tự an toàn xã hội.

**C.** Bảo vệ an ninh quốc gia.

**D. Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.**

1. Bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

**A. Là phòng ngừa, phát hiện,ngăn chặn,đấu tranh làm thất bại hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia**.

**B.** Là phát hiện,ngăn chặn,đấu tranh làm thất bại hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.

**C.** Là phòng ngừa, phát hiện,làm thất bại hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.

**D.** Là đấu tranh làm thất bại hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.

1. Người điều khiển xe máy chỉ được chở 2 người trong trường hợp nào sau đây?

**A. Chở người bệnh đi cấp cứu,áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật,chở trẻ em dưới 14 tuổi.**

**B.** Chở người bệnh đi cấp cứu,áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật.

**C.** Áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật,chở trẻ em dưới 14 tuổi.

**D.** Chở người bệnh đi cấp cứu,trẻ em dưới 14 tuổi.

1. Một trong những nội dung Bảo vệ an ninh dân tộc là:

**A.** Bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng giữa các dân tộc.

**B. Bảo vệ quyền bình đẳng giữa các dân tộc**.

**C.** Bảo vệ quyền bình đẳng của từng dân tộc.

**D.** Bảo vệ quyền lợi,nghĩa vụ giữa các dân tộc với nhau.

1. “Phòng ngừa,phát hiện,đấu tranh,ngăn chặn làm thất bại các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia” là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

**A.** An ninh quốc gia.

**B.** Trật tự an toàn xã hội.

**C. Bảo vệ an ninh quốc gia.**

**D.** Bảo đảm trật tự,an toàn xã hội.

1. “Phòng ngừa,phát hiện,đấu tranh,ngăn chặn làm thất bại các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia” là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

**A.** An ninh quốc gia.

**B.** Trật tự an toàn xã hội.

**C. Bảo vệ an ninh quốc gia.**

**D.** Bảo đảm trật tự,an toàn xã hội.

1. Các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông là?

**A. Là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự,do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý,xâm phạm đến lĩnh vực trật tự,an toàn giao thông**.

**B.** Do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý.

**C.** Xâm phạm vào những quy định của Nhà nước về an toàn giao thông mà theo quy định của Bộ Luật hình sự phải bị xử lý hình sự.

**D.** Do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý,xâm phạm đến lĩnh vực trật tự,an toàn giao thông.

1. Hành vi nào sau đây không thuộc xâm phạm an ninh quốc gia là:

**A.** Xâm phạm chế độ chính trị,kinh tế,văn hóa của quốc gia.

**B. Xâm phạm đến quyền lợi của giai cấp trong một quốc gia**.

**C.** Xâm phạm an ninh,quốc phòng,đối ngoại của quốc gia.

**D.** Xâm phạm độc lập chủ quyền,thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

1. “Phòng ngừa,phát hiện,ngăn chặn,đấu tranh chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự,an toàn xã hội” là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

**A.** An ninh quốc gia.

**B.** Trật tự an toàn xã hội.

**C.** Bảo vệ an ninh quốc gia.

**D. Bảo đảm trật tự,an toàn xã hội.**

1. Một trong những nội dung bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

**A.** Bảo vệ các đường dây thông tin.

**B. Bảo vệ an ninh thông tin**.

**C.** Bảo đảm thông tin thông suốt.

**D.** Bảo đảm thông tin kịp thời,chính xác.

1. Một trong những nội dung Bảo vệ an ninh biên giới là:

**A.** Chống các hành động xâm phạm,vượt biên giới quốc gia.

**B.** Chống các hành động xâm nhập biên giới quốc gia.

**C.** Kiên quyết trấn áp các hành động xâm nhập đường biên giới quốc gia.

**D. Chống các hành vi xâm phạm chủ quyền biên giới quốc gia**.

1. Các dấu hiệu cơ bản của vi phạm hành chính xảy ra trong bảo đảm trật tự,an toàn giao thông?

**A. Tính có lỗi,tính nguy hiểm cho xã hội,tính trái pháp luật về bảo đảm trật tự,an toàn giao thông.**

**B.** Tính trái pháp luật về bảo đảm trật tự,an toàn giao thông.

**C.** Tính có lỗi,tính trái pháp luật về bảo đảm trật tự,an toàn giao thông.

**D.** Tính có lỗi,tính nguy hiểm cho xã hội.

1. Nội dung Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ có vị trí như thế nào?

**A.** Là việc làm thường xuyên của mỗi quốc gia,dân tộc.

**B.** Là việc làm vô cùng cần thiết hiện nay của đất nước.

**C. Trọng yếu hàng đầu,thường xuyên và cấp bách hiện nay**.

**D.** Trọng yếu hàng đầu khi đất nước có chiến tranh.

1. “Trạng thái xã hội có trật tự,kỷ cương trong đó mọi người được sống yên ổn trên cơ sở các quy phạm pháp luật và chuẩn mực đạo đức,pháp lý xác định” là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

**A.** An ninh quốc gia.

**B. Trật tự an toàn xã hội.**

**C.** Bảo vệ an ninh quốc gia.

**D.** Bảo đảm trật tự,an toàn xã hội.

1. Lựa chọn nào sau đây không phải là nội dung Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ?

**A. Phải quan tâm đến nguyện vọng của nhân dân.**

**B.** Gữi gìn sự trong sạch,vững mạnh của các tổ chức Đảng,Nhà nước.

**C.** Bảo vệ chế độ chính trị,Đảng,Nhà nước.

**D.** Bảo vệ cơ quan và những người Việt Nam đang học tập và làm việc tại nước ngoài.

1. “Sự ổn định,phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam,sự bất khả xâm phạm độc lập,chủ quyền,thống nhất,toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc” là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

**A. An ninh quốc gia.**

**B.** Trật tự an toàn xã hội.

**C.** Bảo vệ an ninh quốc gia.

**D.** Bảo đảm trật tự,an toàn xã hội.

1. Một trong những nội dung bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

**A.** Bảo vệ an ninh cá nhân.

**B.** Bảo vệ an ninh học sinh,sinh viên.

**C.** Bảo vệ an ninh địa phương.

**D. Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ**.

1. Một trong những nội dung bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

**A. Bảo vệ an ninh kinh tế**.

**B.** Bảo vệ nền kinh tế đât nước.

**C.** Bảo vệ kinh tế thị trường.

**D.** Bảo vệ kinh tế biển.

1. Phòng ngừa vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự,an toàn giao thông là hoạt động của tổ chức nào?

**A. Hoạt động của các cơ quan Nhà nước; các tổ chức xã hội và công dân.**

**B.** Hoạt động của các tổ chức xã hội và công dân.

**C.** Hoạt động của công dân.

**D.** Hoạt động của các cơ quan Nhà nước; các tổ chức xã hội.

1. “Trạng thái xã hội có trật tự,kỷ cương trong đó mọi người được sống yên ổn trên cơ sở các quy phạm pháp luật và chuẩn mực đạo đức,pháp lý xác định” là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

**A.** An ninh quốc gia.

**B. Trật tự an toàn xã hội.**

**C.** Bảo vệ an ninh quốc gia.

**D.** Bảo đảm trật tự,an toàn xã hội.

1. Người tham gia giao thông đường bộ gồm những người nào?

**A.** Người chạy,người được chở trên phương tiện tham gia giao thông đường bộ; người điều khiển,dẫn dắt súc vật; người đi bộ trên đường bộ.

**B.** Người điều khiển,người được chở trên phương tiện đường bộ; người điều khiển,dẫn dắt súc vật; người đi bộ trên đường bộ.

**C. Người điều khiển,người được chở trên phương tiện tham gia giao thông đường bộ; người điều khiển,dẫn dắt súc vật; người đi bộ trên đường bộ.**

**D.** Người được chở trên phương tiện tham gia giao thông đường bộ; người điều khiển,dẫn dắt súc vật; người đi bộ trên đường bộ.

1. Tổ chức nào sau đây là chủ thể trong thực hiện phòng,chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự,an toàn giao thông?

**A. Các tổ chức xã hội và tổ chức quần chúng tự quản; cơ quan quản lý kinh tế,giao thông,văn hóa,giáo dục,dịch vụ,du lịch; công dân.**

**B.** Các cơ quan quản lý kinh tế,giao thông,văn hóa,giáo dục,dịch vụ,du lịch.

**C.** Cơ quan quản lý giao thông,văn hóa,giáo dục,du lịch; công dân.

**D.** Các tổ chức xã hội và tổ chức quần chúng tự quản; cơ quan quản lý kinh tế,giao thông.

1. Luật sửa đổi,bổ sung một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày,tháng,năm nào?

**A.** Ngày 22/11/2014.

**B. Ngày 21/11/2014**.

**C.** Ngày 21/11/2015.

**D.** Ngày 25/12/2015.

1. Một trong những nội dung bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

**A.** Bảo vệ an ninh giáo dục tư tưởng.

**B.** Bảo vệ an ninh giáo dục chính trị.

**C. Bảo vệ an ninh văn hóa,tư tưởng**.

**D.** Bảo vệ nền văn hóa cách mạng.

1. Luật sửa đổi,bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày,tháng,năm nào?

**A.** Ngày 22/11/2014.

**B.** Ngày 21/11/2014.

**C.** Ngày 21/11/2015.

**D. Ngày 17/06/2014**.

1. Luật giao thông đường bộ được Quốc hội khóa XII thông qua năm nào?

**A.** Năm 2007.

**B. Năm 2008**.

**C.** Năm 2010.

**D.** Năm 2011.

1. Trong việc bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự,an toàn xã hội,chủ thể nào dưới đây có trách nhiệm “đề ra đường lối chính sách và phương pháp đấu tranh đúng đắn và lãnh đạo chặt chẽ bộ máy Nhà nước các đoàn thể quần chúng thực hiện thắng lợi đường lối chính sách đó”?

**A. Đảng Cộng sản Việt Nam.**

**B.** Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

**C.** Các tổ chức xã hội.

**D.** Các cá nhân.

1. Nghị định 100/2019/NĐ-CP về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt được Chính phủ ban hành ngày,tháng,năm nào?

**A.** Ngày 25 tháng 12 năm 2019.

**B.** Ngày 30 tháng 12 năm 2020.

**C.** Ngày 30 tháng 12 năm 2018.

**D. Ngày 30 tháng 12 năm 2019**

**B**ài 6:Một số hiểu biết về an ninh mạng - GDQP 10 Cánh diều.

1. “An ninh mạng” là gì?

**A.** Là sự giám sát hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia,trật tự,an toàn xã hội,quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan,tổ chức,cá nhân.

**B.** Là sự kiểm tra hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia,trật tự,an toàn xã hội,quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan,tổ chức,cá nhân.

**C. Là sự bảo đảm hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia,trật tự,an toàn xã hội,quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan,tổ chức,cá nhân**.

**D.** Là sự phòng ngừa,phát hiện,ngăn chặn,xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng.

1. Môi trường mà trong đó thông tin được cung cấp,truyền đưa,thu thập,xử lý,lưu trữ và trao đổi thông qua mạng viễn thông và mạng máy tính được gọi là

**A. mạng.**

**B.** an ninh mạng.

**C.** viễn thông.

**D.** truyền thông.

.

1. Để chủ động phòng tránh tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng,người dân cần làm gì?

**A.** Không truy cập vào đường link lạ được gửi qua tin nhắn (SMS,Facebook,Zalo…)và không chia sẻ mã OTP cho người khác.

**B.** Khi nhận được các cuộc gọi,tin nhắn nghi vấn,không rõ ràng,người dân cần liên hệ với Tổng đài chăm sóc khách hàng của Ngân hàng,nhà mạng để kiểm tra,xác thực hoặc liên hệ với cơ quan Công an nơi gần nhất để được hướng dẫn giải quyết.

**C.** Không chuyển tiền cho những đối tượng quen biết qua mạng xã hội.

**D. Cả 03 đáp án trên đều đúng.**

1. Theo Luật An ninh mạng năm 2018, nguồn kinh phí phục vụ công tác bảo vệ an ninh mạng của cơ quan nhà nước,tổ chức chính trị?

**A. Ngân sách nhà nước bảo đảm,được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.**

**B.** Cơ quan,tổ chức,cá nhân tự huy động nguồn kinh phí.

**C.** Ngân sách của cơ quan,doanh nghiệp,tổ chức,cá nhân có liên quan.

**D.** Huy động từ các doanh nghiệp ngoài.

1. Thông tin trên không gian mạng có nội dung kích động gây bạo loạn,phá rối an ninh,gây rối trật tự công cộng bao gồm:

**A. Kêu gọi,vận động,xúi giục,đe dọa,gây chia rẽ,tiến hành hoạt động vũ trang hoặc dùng bạo lực nhằm chống chính quyền nhân dân**.

**B.** Kêu gọi,vận động,xúi giục,đe dọa,lôi kéo tụ tập đông người gây rối,chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động của cơ quan,tổ chức gây mất an ninh,trật tự.

**C.** Đáp án A và B**.**

1. Khi bạn nhấn vào đường link lạ trên mạng xã hội thì có thể dẫn đến hậu quả gì?

**A.** Bị chiếm đoạt quyền sử dụng tài khoản mạng xã hội.

**B.** Bị kẻ xấu thu thập thông tin cá nhân.

**C.** Thiết bị của bạn sẽ bị nhiễm virut.

**D. Cả 03 đáp án trên đều đúng.**

1. Phương pháp điều khiển truy cập có hiệu quả và an toàn nhất đối với mạng không dây là

**A.** Mã hóa WEP 40 bit.

**B.** VPN.

**C. Nhận dạng bảo mật mạng**.

**D.** Mã hóa WEP 128 bit.

1. Luật An ninh mạng năm 2018 gồm

**A.** 07 chương,34 điều.

**B. 07 chương,43 điều.**

**C.** 08 chương,34 điều.

**D.** 08 chương,43 điều.

1. Có nên đăng ảnh giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân lên mạng xã hội không?

**A.** Có.Giúp mọi người xác thực được chủ tài khoản mạng xã hội.

**B. Không.Các đối tượng xấu có thể lấy hình ảnh,thông tin cá nhân từ giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân để đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng,vay nợ…**.

**C.** Có.Vì nó không gây ra hậu quả gì nghiêm trọng.

**D.** Có vì có thể chứng minh đấy là tài khoản của mình.

1. Doanh nghiệp trong nước và ngoài nước cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông,mạng Internet,các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng tại Việt Nam có hoạt động thu thập,khai thác,phân tích,xử lý dữ liệu về thông tin cá nhân,dữ liệu về mối quan hệ của người sử dụng dịch vụ,dữ liệu do người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam tạo ra phải lưu trữ dữ liệu này tại đâu?

**A. Tại trụ sở doanh nghiệp**.

**B.** Tại Việt Nam.

**C.** Tại bất kỳ đâu.

**D.** Tất cả đáp án trên.

1. Luật An ninh mạng năm 2018 nghiêm cấm việc sử dụng không gian mạng để thực hiện hành vi nào dưới đây?

**A.** Tổ chức,hoạt động,câu kết,xúi giục,mua chuộc,lừa gạt,lôi kéo,đào tạo,huấn luyện người chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**B.** Xuyên tạc lịch sử,phủ nhận thành tựu cách mạng,phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc,xúc phạm tôn giáo,phân biệt đối xử về giới,phân biệt chủng tộc.

**C.** Xúi dục,lôi kéo,kích động người khác phạm tội.

**D. Cả 3 đáp án trên đều đúng.**

1. Cơ cấu bảo mật mạng không dây nào sau đây là ít an toàn nhất?

**A.** VPN.

**B.** Mã hóa WEP 40 bit.

**C. Bảo mật định danh mạng**.

**D.** Mã hóa WEP 128 bit.

1. “Sự bảo đảm hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia,trật tự,an toàn xã hội,quyền và lợi ích hợp pháp của Cơ quan,tổ chức,cá nhân” - đó là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

**A.** Mạng.

**B. An ninh mạng.**

**C.** Viễn thông.

**D.** Truyền thông.

1. Theo quy định của Luật An ninh mạng năm 2018, thông tin nào trên không gian mạng có nội dung kích động gây bạo loạn,phá rối an ninh,gây rối trật tự công cộng?

**A.** Tuyên truyền xuyên tạc,phỉ báng chính quyền nhân dân.

**B. Kêu gọi,vận động,xúi giục,đe dọa,lôi kéo tụ tập đông người gây rối,chống người thi hành công vụ,cản trở hoạt động của cơ quan,tổ chức gây mất ổn định về an ninh,trật tự.**

**C.** Xúc phạm dân tộc,quốc kỳ,quốc huy,quốc ca,vĩ nhân,lãnh tụ.

**D.** Xúc phạm nghiêm trọng danh dự,uy tín,nhân phẩm của người khác.

1. Theo Luật An ninh mạng năm 2018, đáp án nào dưới đây đúng khi nói về “hành vi sử dụng không gian mạng,công nghệ thông tin,phương tiện điện tử để vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia,trật tự,an toàn xã hội”?

**A.** Giả mạo trang thông tin điện tử của cơ quan,tổ chức,cá nhân; làm giả,lưu hành,trộm cắp,mua bán,thu thập,trao đổi trái phép thông tin thẻ tín dụng,tài khoản ngân hàng của người khác.

**B.** Tuyên truyền,quảng cáo,mua bán hàng hóa,dịch vụ thuộc danh mục cấm theo quy định của pháp luật.

**C.** Hướng dẫn người khác thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

**D. Cả 3 đáp án trên đều đúng.**

1. Đâu là đối tượng kiểm tra an ninh mạng đối với hệ thống thông tin của cơ quan,tổ chức không thuộc Danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia?

**A. Hệ thống phần cứng,phần mềm,thiết bị số được sử dụng trong hệ thống thông tin; Thông tin được lưu trữ,xử lý,truyền đưa trong hệ thống thông tin; Biện pháp bảo vệ bí mật nhà nước và phòng,chống lộ,mất bí mật nhà nước qua các kênh kỹ thuật**.

**B.** Thông tin được lưu trữ,xử lý,truyền đưa trong hệ thống thông tin; Biện pháp bảo vệ bí mật nhà nước và phòng,chống lộ,mất bí mật nhà nước qua các kênh kỹ thuật; kết nối mạng của các nhà đầu tư nước ngoài.

**C.** Hệ thống phần cứng,phần mềm,thiết bị số được sử dụng trong hệ thống thông tin; Thông tin được lưu trữ,xử lý,truyền đưa trong hệ thống thông tin; hệ thống mạng của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

**D.** Tất cả các đáp án trên đều đúng.

1. Theo Luật An ninh mạng năm 2018, lực lượng nào có trách nhiệm áp dụng biện pháp để phòng ngừa,phát hiện,ngăn chặn,xử lý nghiêm hành vi sử dụng không gian mạng gây nguy hại cho trẻ em,xâm phạm đến trẻ em?

**A. Lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng và các cơ quan chức năng.**

**B.** Bộ Khoa học và Công nghệ.

**C.** Bộ Tài chính.

**D.** Bộ Ngoại giao.

1. Bộ luật nào dưới đây quy định những nội dung cơ bản về:bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia phòng ngừa,xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng,triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng và quy định trách nhiệm của cơ quan,tổ chức,cá nhân?

**A.** Luật An ninh quốc gia (năm 2004).

**B.** Luật Cảnh sát biển Việt Nam (năm 2018).

**C. Luật An ninh mạng (năm 2018).**

**D.** Luật Quốc phòng (năm 2018).

1. Theo Luật An ninh mạng năm 2018, “Sự cố an ninh mạng” là gì?

**A. Là sự việc bất ngờ xảy ra trên không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia,trật tự,an toàn xã hội,quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan,tổ chức,cá nhân.**

**B.** Là tình trạng đe dọa gây tổn hại quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan,tổ chức,cá nhân.

**C.** Là hành vi gây tổn hại nghiệm trọng trật tự,an toàn xã hội.

**D.** Là hành vi sử dụng không gian mạng để đánh cắp thông tin cá nhân.

1. Theo Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi,bổ sung năm 2017,thực hiện hành vi nào sau đây thì phạm tội sử dụng mạng máy tính,mạng viễn thông,phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản?

**A.** Truy cập vào tài khoản Zalo của bạn bè để đọc tin nhắn.

**B.** Truy cập vào tài khoản Facebook của bạn bè để xem ảnh.

**C. Sử dụng phương tiện điện tử truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của cá nhân nhằm chiếm đoạt tài sản.**

**D.** Truy cập vào máy tính của bạn bè để xem phim.

1. Audit (kiểm tra,kiểm toán)dùng trong an toàn CSDL nhằm:

**A.** Xác thực đó là ai (authetication)?.

**B.** Cấp quyền ai có thể làm gì (authorization)?.

**C. Ai đã làm gì?.**

**D.** Tất cả các mục.

1. Hành vi nào dưới đây không bị nghiêm cấm thực hiện trên không gian mạng?

**A.** Xúc phạm tôn giáo,phân biệt đối xử về giới,phân biệt chủng tộc.

**B.** Phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng viễn thông.

**C.** Đăng tải thông tin dâm ô,đồi trụy,tội ác; phá hoại thuần phong mỹ tục của dân tộc.

**D. Đăng tải những thông tin,video clip quảng bá hình ảnh đẹp về đất nước Việt Nam.**

1. Lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng được bố trí tại đâu?

**A.** Các Bộ,ngành,cơ quan,tổ chức quản lý trực tiếp hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

**B. Bộ Công an,Bộ Quốc phòng**.

**C.** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**D.** Các cơ quan thuộc Đảng cộng sản Việt Nam.

1. Theo Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi,bổ sung năm 2017,hành vi nào sau đây phạm tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính,mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác?

**A. Cố ý vượt qua cảnh báo,mã truy cập xâm nhập trái phép vào mạng máy tính của người khác để lấy cắp dữ liệu quan trọng.**

**B.** Giả danh nhà mạng gọi điện thoại thu thập thông tin cá nhân của khách hàng.

**C.** Phát tán thông tin sai sự thật trên mạng xã hội.

**D.** Sản xuất phần mềm thu thập thông tin,tài liệu trên máy tính của người dùng.

1. Phòng chống tấn công Tấn công từ chối dịch vụ phân bố (DDOS)

**A.** Chỉ có thể dùng tường lửa.

**B. Có thể hạn chế trong bằng cách lập trình**.

**C.** Hiện nay đã có cách phòng chống hiệu quả.

**D.** Cách hiệu quả duy nhất là lưu trữ và phục hồi (backup và restore).

1. Theo Luật An ninh mạng 2018.Nguy cơ đe dọa an ninh mạng là?

**A.** Là sự việc bất ngờ xảy ra trên không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia,trật tự,an toàn xã hội,quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan,tổ chức,cá nhân.

**B.** Là việc sử dụng không gian mạng,công nghệ thông tin hoặc phương tiện điện tử để thực hiện hành vi khủng bố,tài trợ khủng bố.

**C. Là tình trạng không gian mạng xuất hiện dấu hiệu đe dọa xâm phạm an ninh quốc gia,gây tổn hại nghiệm trọng trật tự,an toàn xã hội,quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan,tổ chức,cá nhân.**

**D.** Là sự việc xảy ra trên không gian mạng khi có hành vi xâm phạm nghiêm trọng an ninh quốc gia,gây tổn hại đặc biệt nghiêm trọng trật tự,an toàn xã hội,quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan,tổ chức,cá nhân.

1. Mục nào không là tấn công chủ động

**A. Tấn công nghe lén (eavesdropping).**

**B.** Tấn công từ chối dịch vụ.

**C.** Tấn công replay.

**D.** Tấn công giả mạo (masquerade).

1. Theo Luật An ninh mạng 2018.Sự cố an ninh mạng là?

**A.** Là hành vi sử dụng không gian mạng,công nghệ thông tin hoặc phương tiện điện tử để thực hiện tội phạm được quy định tại Bộ luật Hình sự.

**B.** Là tình trạng không gia mạng xuất hiện dấu hiện đe dọa xâm phạm an ninh quốc gia,gây tổn hại nghiêm trọng trật tự,an toàn xã hội,quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan,tổ chức,cá nhân.

**C.** Là sự việc xảy ra trên không gian mạng khi có hành vi xâm phạm nghiêm trọng an ninh quốc gia,gây tổn hại đặc biệt nghiêm trọng trật tự,an toàn xã hội,quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan,tổ chức,cá nhân.

**D. Là sự việc bất ngờ xảy ra trên không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia,trật tự,an toàn xã hội,quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan,tổ chức,cá nhân.**

1. X800 là một:

**A.** Cơ chế an toàn.

**B. Dịch vụ an toàn.**

**C.** Là một tiêu chuẩn.

**D.** Một dịch vụ không đáp ứng yêu cầu không thể từ chối (non-reputation).

1. Biện pháp phòng ngừa để không bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản qua việc quét mã QR là gì?

**A.** Không đăng nhập vào ứng dụng hay dịch vụ mà bạn không biết rõ thông qua mã QR.

**B.** Không quét mã QR từ các tin nhắn thông báo nhận thưởng bất thường.

**C.** Không quét mã QR ngẫu nhiên từ các nguồn không rõ ràng.

**D. Cả 03 đáp án trên đều đúng**.

**BÀI 1: MỘT SỐ NỘI DUNG ĐIỀU LỆNH QUẢN LÍ BỘ ĐỘI VÀ ĐIỀU LỆNH**

**CÔNG AN NHÂN DÂN.**

1. Quân nhân Việt Nam cần thực hiện mấy lời thề danh dự?

**A. 10 lời thề danh dự.**

**B.** 11 lời thề danh dự.

**C.** 12 lời thề danh dự.

**D.** 9 lời thề danh dự.

1. Có bao nhiêu chế độ trong tuần?

**A.** 11 chế độ.

**B. 3 chế độ**.

**C.** 12 chế độ.

**D.** 10 chế độ

.

1. Quân đội nhân dân Việt Nam được đặt dưới sự lãnh đạo của tổ chức nào?

**A.** Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối,toàn diện của dân tộc Việt Nam.

**B.** Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của nhà nước CHXHCN Việt Nam.

**C.** Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối về mọi mặt của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam.

**D. Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối,toàn diện về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam**.

1. Lực lượng Bộ đội Biên phòng trong tổ chức quân đội có chức năng gì?

**A. Quản lý nhà nước đối với biên giới quốc gia,bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia,lợi ích quốc gia,giữ gìn an ninh biên giới,vùng biển đ&o của tổ quốc.**

**B.** Làm nòng cốt,chuyên trách quản lí,b&o vệ chủ quyền khu vực biển đảo của tổ quốc.

**C.** Chuyên trách trong chiến đấu bảo vệ an ninh vùng biên giới.

**D.** Chuyên trách làm nhiệm vụ chiến đấu,xây dựng kinh tế bảo vệ an ninh biên giới.

1. Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng nhiệm vụ,chức trách của quân nhân Việt Nam?

**A.** Tuyệt đối trung thành với Đảng,với Tổ quốc,với chế độ xã hội chủ nghĩa.

**B.** Tích cực học tập chính trị,quân sự,văn hoá,khoa học kĩ thuật và pháp luật.

**C.** Giữ gìn đoàn kết nội bộ,đề cao tự phê bình và phê bình,trung thực,bình đẳng.

**D. Thực hiện đúng 12 lời thề danh dự và 10 điều kỉ luật khi quan hệ với nhân dân.**

1. Khi Quan hệ với nhân dân người quân nhân cần phải?

**A.** Thực hiện nghiêm "12 điều kỷ luật khi quan hệ với nhân dân".

**B.** Giữ đúng bản chất "Bộ đội Cụ Hồ".

**C.** Thực hiện tốt lễ tiết tác phong quân nhân,không làm điều ảnh hưởng đến uy tín của Quân đội.

**D. Cả A,B,C đúng**.

1. Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng cách xưng hô,chào hỏi của quân nhân Việt Nam?

**A.** Trong lúc nghỉ ngơi,có thể xưng hô theo tập quán thông thường.

**B. Cấp trên phải chào cấp dưới,người được chào phải đáp lễ.**

**C.** Quân nhân gọi nhau là “đồng chí” và xưng “tôi”.

**D.** Đối với cấp trên,có thể gọi là “Thủ trưởng”.

1. Thời gian làm việc trong tuần trong ngày là?

**A.** Mỗi tuần làm việc 5 ngày và 2 ngày nghỉ vào thứ 7 và chủ nhật.

**B.** Quân nhân làm việc vào ngày nghỉ thì được nghỉ bù.

**C.** Mỗi ngày làm việc 8 giờ.

**D. Cả A,B,C đúng**.

1. Có bao nhiêu chế độ làm việc trong ngày?

**A. 11 chế độ**.

**B.** 3 chế độ.

**C.** 12 chế độ.

**D.** 10 chế độ.

1. Trách nhiệm của quân nhân là gi?

**A.** Quân nhân phải tuyệt đối trung thành với Đảng,với Tổ quốc,với chế độ xã hội chủ nghĩa.

**B.** Triệt để chấp hành đường lối,chủ trương,chính sách của Đảng,pháp luật của Nhà nước và kỷ luật Quân đội.

**C.** Phải bảo vệ danh dự của quân nhân cách mạng,truy'n thống vinh quang của Quân đội và đơn vị mình phục vụ.

**D. Cả A,B,C đúng**.

1. Bộ,Ban Chỉ huy quân sự nào sau đây không nằm trong hệ thống tổ chức của quân đội nhân dân Việt Nam?

**A.** Ban Chỉ huy quân sự quận,huyện.

**B. Ban Chỉ huy quân sự xã,phường**.

**C.** Bộ Chỉ quân sự tỉnh,thành phố.

**D.** Bộ Tổng Tham mưu.

1. Chức trách quân nhân phải thực hiện là gi?

**A.** Tuyệt đối phục tùng lãnh đạo,chỉ huy,chấp hành nghiêm mệnh lệnh,chỉ thị cấp trên.

**B.** Giữ gìn vũ khí trang bị,tài sản của Quân đội,bảo vệ và tiết kiệm của công,không tham ô lãng phí.

**C.** Tuyệt đối giữ bí mật của Nhà nước và Quân đội.

**D. Thực hiện đúng 10 lời thề danh dự và 12 điều kỷ luật khi quan hệ với nhân dân**.

1. Khi Quan hệ với người nước ngoài người quân nhân cần phải?

**A.** Quân nhân phải chấp hành nghiêm chỉnh quy chế ngoại giao.

**B.** Phải tôn trọng pháp luật,phong tục,tập quán của nước đó.

**C.** Phải giữ gìn đạo đức,phẩm chất tốt đẹp của một quân nhân trong Quân đội.

**D. Cả A, B, C đúng**.

1. Chức trách nhiệm vụ của người chiến sĩ là:

**A.** Rèn luyện bản lĩnh chiến đấu,rèn luyện thể lực,tích cực học tập để nâng cao trình độ về mọi mặt.Dũng cảm,không sợ gian khổ,hy sinh,kiên quyết hoàn thành mọi nhiệm vụ.

**B.** Giữ tốt và sử dụng thành thạo các loại vũ khí,trang bị,quân trang và dụng cụ được giao.

**C.** Tự giác chấp hành nghiêm kỷ luật của Quân đội và mệnh lệnh,chỉ thị của cấp trên,pháp luật của Nhà nước.

**D. Cả A, B, C đúng**.

1. Phân cấp quản lý chất lượng quân nhân đến từng chiến sĩ là:

**A.** Cấp binh chủng.

**B.** Cấp sư đoàn và tương đương.

**C.** Cấp tiểu đoàn và tương đương.

**D. Cấp đại đội và tương đương**.

1. Tổ chức kiểm tra quân trang của người chỉ huy ở các cấp Tiểu đội?

**A. Mỗi tuần một lần.**

**B.** Mỗi tháng một lần.

**C.** Ba tháng một lần.

**D.** Sáu tháng một lần.

1. Cơ quan lãnh đạo,chỉ huy,quản lí cao nhất của toàn quân là?

**A. Bộ Quốc phòng**.

**B.** Bộ Tổng Tham mưu.

**C.** Tổng cục Chính trị.

**D.** Quân khu,Quân đoàn.

1. Quân đội nhân dân Việt Nam gồm lực lượng nào?

**A.** Bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương.

**B. Bộ đội chủ lực; Bộ đội địa phương; Bộ đội Biên phòng**.

**C.** Bộ đội chủ lực,bộ đội địa phương và dân quân tự vệ.

**D.** Bộ đội chủ lực,bộ đội địa phương,bộ đội quân khu.

1. Người chỉ huy và điều hành cao nhất trong quân đội là ai?

**A.** Cục trưởng Cục Tác chiến.

**B.** Tư lệnh các đơn vị chiến đấu của quân đội.

**C.** Đại tướng,Thứ trưởng Bộ Quốc phòng.

1. Quân đội có lực lượng nào?

**A. Lực lượng thường trực và lực lượng dự bị**.

**B.** Lực lượng chủ lực và lực lượng địa phương.

**C.** Lực lượng chiến đấu và lực lượng sẵn sàng chiến đấu.

**D.** Lực lượng chính quy và lực lượng dự bị.

1. Bộ tổng tham mưu và cơ quan tham mưu các cấp trong QĐND Việt Nam có chức năng nhiệm vụ gì?

**A.** Là cơ quan chiến đấu bảo vệ quốc gia.

**B.** Thuộc cơ quan tham mưu cho phòng thủ quốc gia.

**C. Là cơ quan chỉ huy các lực lượng vũ trang,có chức năng bảo đảm trình độ SSCĐ của LLVT và điều hành mọi hoạt động quân sự Quốc phòng trong thời bình và thời chiến.**

**D.** Là cơ quan tổ chức ra lực lượng vũ trang quốc gia.

1. Một trong những chức năng của cơ quan Tổng Cục Chính trị trong quân đội là gì?

**A.** Đảm nhiệm công tác tổ chức giáo dục chính trị trong quân đội.

**B.** Đảm nhiệm công tác chính trị trong quân đội.

**C.** Đảm nhiệm công tác tuyên truyền chính trị trong quân đội.

**D. Đảm nhiệm công tác Đảng – Công tác chính trị trong quân đội**.

1. Chức năng của cơ quan Tổng Cục Hậu cần trong quân đội là gì?

**A. Là cơ quan có chức năng đảm bảo hậu cần,của toàn quân và từng đơn vị.**

**B.** Là cơ quan có chức năng đảm bảo hoạt động kinh tế và vận tải cho quân đội.

**C.** Là cơ quan có chức năng đảm bảo chế độ ăn uống cho bộ đội.

**D.** Là cơ quan có chức năng đảm bảo vật chất,kĩ thuật cho quân đội.

1. Bộ đội ở các cấp tỉnh đội,Huyện đội là:

**A.** Bộ đội chủ lực.

**B. Lực lượng dự bị**.

**C.** Bộ đội địa phương.

**D.** Bộ đội chính quy.

1. Đơn vị nào sau đây nằm trong hệ thống các cơ quan,đơn vị quân đội nhân dân Việt Nam?

**A.** Các xí nghiệp sửa chữa ô tô,xe cơ giới.

**B.** Các nhà máy sản xuất linh kiện điện tử.

**C.** Các dự án liên doanh kinh tế của đất nước.

**D. Các xí nghiệp,nhà máy và các đơn vị làm kinh tế quốc phòng**.

1. Đơn vị quân đội nào sau đây không thuộc Quân chủng Phòng không-Không quân?

**A. Sư đoàn Pháo binh**.

**B.** Trung đoàn Ra đa,tên lửa.

**C.** Sư đoàn Pháo phòng không.

**D.** Sư đoàn Không quân.

1. Quân nhân Việt Nam cần thực hiện bao nhiêu điều kỉ luật khi quan hệ với nhân dân?

**A.** 10 điều kỉ luật.

**B.** 11 điều kỉ luật.

**C. 12 điều kỉ luật.**

**D.** 13 điều kỉ luật.

1. Lực lượng nào sau đây không nằm trong tổ chức quân đội?

**A.** Cơ quan Bộ Quốc phòng.

**B.** Lực lượng cảnh sát biển.

**C.** Các đơn vị thuộc BQP.

**D. Lực lượng cảnh sát cơ động**.

1. Đơn vị quân đội nào sau đây thuộc Binh chủng Pháo binh?

**A.** Đơn vị Pháo phòng không.

**B.** Đơn vị Tên lửa phòng không.

**C. Đơn vị Pháo binh mặt đất**.

**D.** Đơn vị bộ đội Bộ binh cơ giới.

1. Các cơ quan,tổ chức nào sau đây không thuộc hệ thống tổ chức quân đội nhân dân Việt nam?

**A.** Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

**B.** Bộ Tổng Tham mưu.

**C. Tổng Cục Chính trị**.

**D.** Bộ chỉ huy quân sự thành phố

**B**ài 2:Đội ngũ từng người không có súng - GDQP 10 Cánh diều

**B**ài 2:Đội ngũ từng người không có súng.

1. Trong đội ngũ từng người không có súng,tốc độ khi chạy đều bao nhiêu bước/phút

**A.** 140 bước/ phút.

**B.** 150 bước/ phút.

**C.** 160 bước/ phút.

**D. 170 bước/ phút**.

1. Khi nghe dứt động lệnh “ Bước” thực hiện động tác tiến,lùi như thế nào?

**A.** Chân trái bước lên cách chân phải 60cm, sau dó đứng nghiêm rồi chân phải bước tiếp.

**B. Chân trái bước lên cách chân phải 60cm, sau đến chân phải bước tiếp cách chân trái 60cm**.

**C.** Chân phải bước lên cách chân phải 60cm, sau đến chân trái bước tiếp cách chân trái 60cm.

**D.** Chân phải bước lên cách chân phải 60cm, sau dó đứng nghiêm rồi chân trái bước tiếp

.

1. Trong đội ngũ từng người không có súng,có mấy động tác chào?

**A.** 02.

**B. 03**.

**C.** 04.

**D.** 05.

1. Tiến lùi,qua phải,qua trái vận dụng trong trường hợp nào?

**A.** Để di chuyển cự li ngắn từ 6 bước trở lại.

**B. Để di chuyển cự li ngắn từ 5 bước trở lại**.

**C.** Để di chuyển cự li ngắn từ 4 bước trở lại.

**D.** Để di chuyển cự li ngắn từ 3 bước trở lại.

1. Nội dung nào dưới đây mô tả không đúng tư thế khi thực hiện động tác quay bên trái?

**A.** Thân người giữ ngay ngắn,hai chân thẳng tự nhiên.

**B.** Lấy gót chân trái và mũi bàn chân phải làm trụ.

**C. Phối hợp sức xoay của thân, quay người sang trái một góc 450.**

**D.** Sau khi xoay người,đưa chân lên thành tư thế nghiêm.

1. Trong đội ngũ từng người không có súng,trường hợp nào không phải đưa tay chào?

**A.** Khi mang găng tay.

**B.** Khi đang làm việc.

**C.** Khi đang bận nói với người khác.

**D. Khi hai tay đang bận làm nhiệm vụ**.

1. So với động tác nghiêm,động tác nghỉ (cơ bản)có điểm gì khác biệt?

**A. Chân trái hơi trùng,sức nặng toàn thân dồn vào chân phải.**

**B.** Hai chân thẳng,sức nặng toàn thân dồn đều vào hai bàn chân.

**C.** Thân người ngay ngắn,phối hợp sức xoay của cả chân và thân.

**D.** Hai chân mở rộng bằng vai,chân phải hơi trùng xuống.

1. Nội dung nào dưới đây mô tả không đúng tư thế khi thực hiện động tác nghỉ (cơ bản)?

**A.** Chân trái hơi trùng,sức nặng toàn thân dồn vào chân phải.

**B. Hai chân mở rộng bằng vai,hai tay đưa về phía sau lưng.**

**C.** Hai tay buông thẳng,năm ngón tay khép lại và cong tự nhiên.

**D.** Người không nghiêng ngả; không cười đùa,nói chuyện.

1. Trong đội ngũ từng người không có súng,tốc độ chuẩn khi chạy đều là

**A.** 140 bước/ phút.

**B.** 150 bước/ phút.

**C.** 160 bước/ phút.

**D. 170 bước/ phút.**

1. Trong đội ngũ từng người không có súng,động tác chào gồm những trường hợp nào?

**A.** Chào khi đang đội mũ; chào nửa bên trái; chào khi không đội mũ.

**B.** Chào khi có mũ cứng,mũ mềm; chào nửa bên phải; chào khi không đội mũ.

**C. Chào khi có mũ cứng,mũ kêpi; chào nửa bên phải (trái); chào khi không có mũ**.

**D.** Chào khi đội mũ kêpi; chào nửa bên phải.

1. Nội dung nào dưới đây mô tả không đúng tư thế khi thực hiện động tác nghỉ (hai chân mở rộng bằng vai)?

**A.** Hai chân thẳng tự nhiên,sức nặng toàn thân dồn đều vào hai chân.

**B.** Hai tay đưa về sau lưng,bàn tay trái nắm cổ tay phải,bàn tay phải vẫn nắm.

**C. Hai gót chân đặt sát nhau,chân trái hơi trùng,sức nặng dồn vào chân phải.**

**D.** Chân trái bước sang bên trái một bước rộng bằng vai (tính từ hai mép ngoài gót chân).

1. Nội dung nào dưới đây mô tả không đúng tư thế khi thực hiện động tác quay nửa bên phải?

**A.** Thân người giữ ngay ngắn,hai chân thẳng tự nhiên.

**B.** Lấy gót chân phải và mũi bàn chân trái làm trụ.

**C. Phối hợp sức xoay của thân,quay người sang phải một góc 900.**

**D.** Sau khi xoay người,đưa chân lên thành tư thế nghiêm.

1. Trong đội ngũ từng người không có súng,khi giậm chân với tốc độ bao nhiêu bước/phút

**A. 110 bước/ phút**.

**B.** 120 bước/ phút.

**C.** 130 bước/ phút.

**D.** 140 bước/ phút.

1. Động tác nghỉ (hai chân rộng bằng vai)không được vận dụng trong trường hợp nào dưới đây?

**A.** Đứng trên tàu.

**B.** Luyện tập thể dục,thể thao.

**C.** Đứng trên xe.

**D. Duyệt binh,đứng trong đội hình.**

1. Nội dung nào dưới đây mô tả đúng tư thế tay khi thực hiện động tác nghỉ (hai chân mở rộng bằng vai)?

**A. Hai tay đưa về sau lưng,bàn tay trái nắm cổ tay phải.**

**B.** Hai tay buông thẳng,năm ngón tay khép lại,cong tự nhiên.

**C.** Hai tay buông thẳng,ngón tay giữa đặt đúng theo đường chỉ quần.

**D.** Bàn tay phải nắm lấy cổ tay trái,bàn tay trái xòe rộng.

1. Trong đội hình đi đều,nhịp đi theo tiếng hô của người chỉ huy như thế nào thì người đi phải đổi chân?

**A.** “Một” khi chân trái bước xuống.

**B. “Một” khi chân phải bước xuống, “Hai” khi chân trái bước xuống**.

**C.** “Hai” khi chân phải bước xuống.

**D.** Đúng nhịp đi chung trong phân đội.

1. Nội dung nào dưới đây mô tả không đúng tư thế khi thực hiện động tác quay bên phải?

**A.** Thân người giữ ngay ngắn,hai chân thẳng tự nhiên.

**B.** Lấy gót chân phải và mũi bàn chân trái làm trụ.

**C. Phối hợp sức xoay của thân,quay người sang phải một góc 450.**

**D.** Sau khi xoay người,đưa chân lên thành tư thế nghiêm.

1. Trong đội ngũ từng người không có súng,khi không đội mũ,động tác chào như thế nào?

**A.** Chào đúng như khi đang đội mũ,nhìn thẳng vào người mình chào.

**B.** Chào như khi đội mũ,nhưng đầu ngón tay trỏ ngang đuôi lông mày bên phải.

**C.** Không phải thực hiện động tác chào,chỉ nhìn thẳng vào người mình chào.

**D. Chào như khi đội mũ,chỉ khác đầu ngón tay giữa ngang đuôi lông mày bên phải**.

1. Nội dung nào dưới đây mô tả đúng tư thế thực hiện động tác chào cơ bản khi đội mũ cứng,mũ Kê-pi?

**A. Tay phải đưa lên,đầu ngón tay giữa chạm vào bên phải vành mũ (lưỡi trai).**

**B.** Tay phải đưa lên,đầu ngón tay giữa đặt chạm vào phía dưới bên phải vành mũ.

**C.** Tay phải đưa lên chào,đồng thời mặt đánh lên góc 150,quay sang trái góc 450.

**D.** Tay phải đưa lên,đầu ngón tay giữa cao ngang đuôi lông mày bên phải.

1. Nội dung nào dưới đây mô tả đúng tư thế thực hiện động tác chào cơ bản khi đội mũ hải quân?

**A.** Tay phải đưa lên,đầu ngón tay giữa chạm vào bên phải vành mũ (lưỡi trai).

**B. Tay phải đưa lên,đầu ngón tay giữa đặt chạm vào phía dưới bên phải vành mũ.**

**C.** Tay phải đưa lên chào,đồng thời mặt đánh lên góc 150,quay sang trái góc 450.

**D.** Tay phải đưa lên,đầu ngón tay giữa cao ngang đuôi lông mày bên phải.

1. Nội dung nào dưới đây mô tả đúng tư thế thực hiện động tác nhìn bên phải chào?

**A.** Tay phải đưa lên,đầu ngón tay giữa chạm vào bên phải vành mũ (lưỡi trai).

**B.** Tay phải đưa lên,đầu ngón tay giữa đặt chạm vào phía dưới bên phải vành mũ.

**C. Tay phải đưa lên chào,đồng thời mặt đánh lên góc 150,quay sang phải góc 450.**

**D.** Tay phải đưa lên,đầu ngón tay giữa cao ngang đuôi lông mày bên phải.

1. Để đổi hướng nhanh chóng,chính xác,nhưng vẫn giữ được vị trí đứng phải có động tác nào?

**A.** Giậm chân tại chỗ,đổi hướng.

**B.** Đối chân trong khi giậm chân.

**C. Các cách quay tại chỗ**.

**D.** Đi đều đổi hướng.

1. Trong đội hình đang đi đều,chiến sĩ phải đổi chân ngay khi

**A.** Bước quá chậm so với tốc độ chung của cả đơn vị.

**B.** Cần phải làm chuẩn cho cả đội hình diễn tập theo.

**C. Thấy mình đi sai với nhịp chung của đơn vị.**

**D.** Bước quá nhanh so với tốc độ chung của đơn vị.

1. Trong đội ngũ từng người không có súng,động tác chạy đều được áp dụng trong trường hợp

**A.** Vận động trong điều kiện địa hình không bằng phẳng,có vật cản.

**B.** Vận động trong điều kiện địa hình bằng phẳng,không có vật cản.

**C.** Di chuyển cự li gần (dưới 5 bước)được nhanh chóng,trật tự và thống nhất.

**D. Di chuyển cự li xa (trên 5) bước được nhanh chóng,trật tự và thống nhất.**

1. Chào cấp trên xong,khi nào người chiến sĩ được hạ tay xuống?

**A.** Cấp trên chào đáp lễ xong.

**B.** Cấp trên cho phép hạ tay xuống.

**C. Báo cáo xong và đứng chờ chỉ thị của cấp trên.**

**D.** Trong khi thực hiện báo cáo với cấp trên.

1. Trong đội ngũ từng người không có súng,chiến sĩ có thể đứng nghiêm để chào khi

**A.** Đang mang găng tay.

**B.** Đang làm việc,học tập.

**C.** Báo cáo với cấp trên.

**D. Tay đang bận làm nhiệm vụ.**

1. Nội dung nào dưới đây mô tả đúng tư thế thực hiện động tác chào khi không đội mũ?

**A.** Tay phải đưa lên,đầu ngón tay giữa chạm vào bên phải vành mũ (lưỡi trai).

**B.** Tay phải đưa lên,đầu ngón tay giữa đặt chạm vào phía dưới bên phải vành mũ.

**C.** Tay phải đưa lên chào,đồng thời mặt đánh lên góc 150,quay sang phải góc 450.

**D.** Tay phải đưa lên,đầu ngón tay giữa cao ngang đuôi lông mày bên phải.

1. Trong đội ngũ từng người không có súng,động tác tiến lùi,qua phải,qua trái để di chuyển ở cự li

**A.** Ngắn,từ 10 bước trở lại.

**B.** Dài,từ 5 bước trở lên.

**C. Ngắn,từ 5 bước trở lại.**

**D.** Dài,từ 10 bước trở lên.

1. Trong đội ngũ từng người không có súng,động tác chạy đều dùng để làm gì?

**A.** Thực hiện mệnh lệnh của người chỉ huy được nhanh chóng.

**B.** Khi vận động trong điều kiện địa hình bằng phẳng.

**C.** Khi di chuyển xa được nhanh chóng và thống nhất.

**D. Khi di chuyển cự li xa trên 5 bước được nhanh chóng,trật tự và thống nhất**.

1. Nội dung cần chú ý khi đi đều không bao gồm nội dung nào sau đây?

**A.** Khi đánh tay ra phía trước phải nâng khuỷu tay đúng độ cao.

**B. Khi đánh tay ra sau phải chú ý đánh sang hai bên thân người**.

**C.** Không nâng đùi,đúng độ dài mỗi bước và tốc độ.

**D.** Người ngay ngắn,không nghiêng ngả,gật gù,không nói chuyện.

**B**ài 3:Đội ngũ tiểu đội - GDQP 10 Cánh diều.

1. Trình tự tập hợp đội hình tiểu đội 2 hàng ngang gồm những bước nào?

**A.** Điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; tập hợp đội hình; giải tán.

**B.** Điểm số; tập hợp đội hình; giải tán.

**C. Tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán**.

**D.** Điểm số; tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ.

1. Tập hợp đội hình tiểu đội 1 hàng ngang có mấy bước?

**A. 4 bước**.

**B.** 2 bước.

**C.** 3 bước.

**D.** 1 bước

.

1. Đội hình nào phải thực hiện điểm số?

**A. Tiểu đội 1 hàng ngang**.

**B.** Tiểu đội 2 hàng ngang.

**C.** Tiểu đội 2 hàng dọc.

**D.** Trung đội 2 hàng dọc.

1. Trong Quân đội nhân dân Việt Nam,Điều lệnh Đội ngũ quy định động tác đội ngũ từng người,đội ngũ từng đơn vị từ cấp

**A.** Trung đoàn đến cấp đại đoàn.

**B.** Trung đoàn đến cấp sư đoàn.

**C. Tiểu đội đến cấp trung đoàn.**

**D.** Tiểu đoàn đến cấp lữ đoàn.

1. Khẩu lệnh của tiểu đội trưởng tiểu đội X khi tập hợp đội hình thành 2 hàng ngang như thế nào?

**A. “Tiểu đội X thành 2 hàng ngang – Tập hợp”**.

**B.** “Toàn tiểu đội X thành 2 hàng ngang – Tập hợp”.

**C.** “Toàn tiểu đội X 2 hàng ngang- Tập hợp”.

**D.** “Tiểu đội X chú ý: thành 2 hàng ngang - Tập hợp”.

1. Hình ảnh dưới đây mô tả về hình thức tập hợp đội hình tiểu đội nào?

**A.** Đội hình tiểu đội 1 hàng dọc.

**B.** Đội hình tiểu đội 2 hàng dọc.

**C. Đội hình tiểu đội 1 hàng ngang.**

**D.** Đội hình tiểu đội 2 hàng ngang.

1. Tiểu đội gồm những đội hình nào?

**A. 1 hàng ngang; 1 hàng dọc; 2 hàng ngang; 2 hàng dọc**.

**B.** 3 hàng ngang; 3 hàng dọc; 2 hàng ngang; 2 hàng dọc.

**C.** 4 hàng ngang; 3 hàng dọc; 4 hàng dọc.

**D.** 3 hàng dọc; 4 hàng ngang; 5 hàng ngang.

1. Khi kiểm tra gióng hàng,trung đội trưởng phải làm gì?

**A.** Nghiêng đầu qua phải/ trái để kiểm tra theo chuẩn.

**B.** Nghỉ tại chỗ,đưa mắt bao quát toàn bộ đội hình.

**C. Thực hiện động tác qua phải/ trái để kiểm tra.**

**D.** Đứng nghiêm tại chỗ để kiểm tra toàn đội hình.

1. Hình ảnh dưới đây mô tả về hình thức tập hợp đội hình tiểu đội nào?

**A.** Đội hình tiểu đội 1 hàng dọc.

**B.** Đội hình tiểu đội 2 hàng dọc.

**C.** Đội hình tiểu đội 1 hàng ngang.

**D. Đội hình tiểu đội 2 hàng ngang.**

1. Khi kiểm tra gióng hàng,tiểu đội trưởng phải làm gì?

**A.** Nghiêng đầu qua phải/ trái để kiểm tra theo chuẩn.

**B.** Nghỉ tại chỗ,đưa mắt bao quát toàn bộ đội hình.

**C. Thực hiện động tác qua phải/ trái để kiểm tra.**

**D.** Đứng nghiêm tại chỗ để kiểm tra toàn đội hình.

1. Chiến sĩ nào làm chuẩn khi giãn đội hình tiểu đội,trung đội hàng ngang?

**A.** Tiểu đội trưởng luôn là người làm chuẩn.

**B.** Trung đội trưởng phải là người làm chuẩn.

**C. Tuỳ theo lệnh của chỉ huy,nhưng thường là người đứng đầu bên phải đội hình**.

**D.** Người có số thứ tự chẵn trong đội hình.

1. Trong đội hình tiểu đội 1 hàng ngang/ dọc,khi thấy các chiến sĩ đã đứng vào vị trí tập hợp,tại vị trí chỉ huy,tiểu đội trưởng hô khẩu lệnh gì?

**A.** “THÔI”.

**B. “ĐIỂM SỐ”.**

**C.** “ĐƯỢC”.

**D.** “GIẢI TÁN”.

1. Hình ảnh dưới đây mô tả về hình thức tập hợp đội hình tiểu đội nào?

**A.** Đội hình tiểu đội 1 hàng dọc.

**B. Đội hình tiểu đội 2 hàng dọc.**

**C.** Đội hình tiểu đội 1 hàng ngang.

**D.** Đội hình tiểu đội 2 hàng ngang.

1. Khi gióng hàng,thấy các chiến sĩ đã đứng thắng hàng,tiểu đội trưởng hô động lệnh gì?

**A.** “THÔI”.

**B.** “ĐIỂM SỐ”.

**C. “ĐƯỢC”.**

**D.** “GIẢI TÁN”.

1. Khẩu lệnh của tiểu đội trưởng tiểu đội X khi tập hợp đội hình thành 1 hàng dọc như thế nào?

**A.** “Toàn tiểu đội X,1 hàng dọc – Tập hợp”.

**B. “Tiểu đội X thành 1 hàng dọc – Tập hợp”**.

**C.** “Toàn tiểu đội X,thành 1 hàng dọc – Tập hợp”.

**D.** “Tiểu đội X chú ý: thành 1 hàng dọc - Tập hợp”.

1. Trong quá trình tập hợp,hình thức đội hình nào dưới đây phải thực hiện điểm số?

**A. Đội hình trung đội 1 hàng dọc.**

**B.** Đội hình trung đội 2 hàng dọc.

**C.** Đội hình tiểu đội 2 hàng dọc.

**D.** Đội hình tiểu đội 2 hàng ngang.

1. Khẩu lệnh của trung đội trưởng trung đội X khi tập hợp đội hình thành 1 hàng ngang như thế nào?

**A.** “Toàn trung đội X,1 hàng ngang- Tập hợp”.

**B.** “Toàn trung đội X,thành 1 hàng ngang- Tập hợp”.

**C. “Trung đội X thành 1 hàng ngang – Tập hợp”**.

**D.** “Trung đội X chú ý: thành 1 hàng ngang- tập hợp”.

1. Khi tập hợp đội hình tiểu đội,tiểu đội trưởng cần lưu ý điều gì?

**A.** Nghiêng đầu qua phải/ trái để kiểm tra gióng hàng.

**B. Hô dự lệnh to,rõ ràng; hô động lệnh dứt khoát.**

**C.** Đứng nghiêm tại chỗ để bao quát,kiểm tra gióng hàng.

**D.** Không hô khẩu lệnh,dùng kí hiệu để các chiến sĩ làm theo.

1. Khẩu lệnh của trung đội trưởng trung đội X khi tập hợp đội hình thành 2 hàng dọc như thế nào?

**A.** “Toàn trung đội X,2 hàng dọc – Tập hợp”.

**B.** “Trung đội X chú ý: thành 2 hàng dọc – Tập hợp”.

**C.** “Toàn trung đội X,thành 2 hàng dọc – Tập hợp”.

**D. “Trung đội X thành 2 hàng dọc – Tập hợp”**.

1. Trong đội hình trung đội 1 hàng ngang,trung đội trưởng đứng ở vị trí nào?

**A.** Chính giữa đội hình,cách đội hình 3 – 5 bước.

**B. Chính giữa đội hình,cách đội hình 5 – 8 bước.**

**C.** Chếch về bên trái,cách đội hình từ 3 – 5 bước.

**D.** Chếch về bên trái,cách đội hình từ 5 – 8 bước.

1. Tiểu đội hàng ngang có đội hình nào?

**A.** 4 hàng ngang.

**B. 2 hàng ngang**.

**C.** 3 hàng ngang.

**D.** Không có đội hình hàng ngang.

1. Trong đội hình tiểu đội 1 hàng ngang,tiểu đội trưởng đứng ở vị trí nào?

**A. Chính giữa đội hình,cách đội hình 3 – 5 bước.**

**B.** Chếch về bên trái,cách đội hình từ 3 – 5 bước.

**C.** Chếch về bên phải,cách đội hình từ 3 – 5 bước.

**D.** Liền kề phía bên trái chiến sĩ mang số hiệu 01.

1. Trình tự tập hợp đội hình tiểu đội 2 hàng dọc gồm những bước nào?

**A. Điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; tập hợp đội hình; giải tán**.

**B.** Điểm số; tập hợp đội hình; giải tán.

**C.** Tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán.

**D.** Điểm số; tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ.

1. Nội dung nào dưới đây mô tả không đúng hoạt động của tiểu đội trưởng khi gióng hàng?

**A.** Quan sát,đôn đốc để các chiến sĩ tập trung gióng hàng.

**B.** Điều chỉnh cự li giãn cách giữa các hàng/ các chiến sĩ.

**C. Đứng tại chỗ,nghiêng đầu sang trái/ phải để quan sát.**

**D.** Các chiến sĩ gióng hàng xong,tiểu đội trưởng hô “THÔI”.

1. Cách điểm số của đội hình trung đội 3 hàng ngang như thế nào?

**A. Tiểu đội 1 điểm số,các tiểu đội khác báo cáo thừa,thiếu**.

**B.** Hết tiểu đội đến tiểu đội 2 điểm số.

**C.** Điểm số từ 1 đến hết chiến sĩ trong trung đội.

**D.** Không có tiểu đội nào điểm số.

1. Nội dung nào dưới đây không mô tả đúng đội hình tiểu đội 2 hàng dọc?

**A.** Các chiến sĩ mang số hiệu lẻ (1; 3; 5; 7) đứng hàng dọc bên phải.

**B.** Các chiến sĩ mang số hiệu chẵn (2; 4; 6) đứng hàng dọc bên trái.

**C.** Cự li giãn cách giữa hai hàng dọc là khoảng 70 cm.

**D. Các chiến sĩ đứng thành 2 hàng dọc phía trước tiểu đoàn trưởng.**

1. Khẩu lệnh của tiểu đội trưởng tiểu đội X khi tập hợp đội hình thành 2 hàng dọc như thế nào?

**A.** “Toàn tiểu đội X,2 hàng dọc – Tập hợp”.

**B.** “Tiểu đội X chú ý: thành 2 hàng dọc – Tập hợp”.

**C.** “Toàn tiểu đội X,thành 2 hàng dọc – Tập hợp”.

**D. “Tiểu đội X thành 2 hàng dọc – Tập hợp”**.

1. Thứ tự thực hiện các bước tập hợp đội hình tiểu đội 1 hàng dọc là

**A. tập hợp => điểm số => chỉnh đốn hàng ngũ => giải tán.**

**B.** điểm số => chỉnh đốn hàng ngũ => tập hợp => giải tán.

**C.** tập hợp => chỉnh đốn hành ngũ => điểm số => giải tán.

**D.** điểm số => tập hợp => chỉnh đốn hàng ngũ => giải tán.

1. Thứ tự thực hiện các bước tập hợp đội hình tiểu đội 2 hàng dọc là

**A.** điểm số => chỉnh đốn hành ngũ => giải tán.

**B.** điểm số => chỉnh đốn hàng ngũ => tập hợp => giải tán.

**C. tập hợp => chỉnh đốn hàng ngũ => giải tán.**

**D.** điểm số => tập hợp => chỉnh đốn hàng ngũ => giải tán.

1. Nội dung nào dưới đây không mô tả đúng đội hình tiểu đội 2 hàng ngang?

**A.** Các chiến sĩ mang số hiệu lẻ (1; 3; 5; 7)đứng hàng trên.

**B.** Các chiến sĩ mang số hiệu chẵn (2; 4; 6)đứng hàng dưới.

**C.** Cự li giãn cách giữa hàng trên và hàng dưới là 1 mét.

**D. Các chiến sĩ đứng bên phải tiểu đội trưởng thành 2 hàng**.

**B**ÀI 4: CÁC TƯ THẾ, ĐỘNG TÁC VẬN ĐỘNG TRONG CHIẾN ĐẤU - GDQP 10 CÁNH DIỀU.

1. Trong chiến đấu,động tác đi khom được vận dụng trong trường hợp nào?

**A. Nơi gần địch có địa hình,địa vật che đỡ,che khuất ngang tầm ngực.**

**B.** Nơi cách xa địch,tác chiến vào đêm tối hoặc sương mù địch khó phát hiện.

**C.** Nơi có địa hình,địa vật che đỡ,che khuất ngang tầm người ngồi.

**D.** Nơi cách xa địch,có địa hình trống trải,không bị che khuất.

1. Động tác nào sau đây không phải là tư thế,động tác vận động cơ bản trên chiến trường?

**A.** Đi khom.

**B.** Chạy khom.

**C.** Bò cao.

**D. Chạy cao**

.

1. Tư thế,động tác Đi khom,nội dung nào sau đây không có?

**A. Đi khom thấp khi không có địch**.

**B.** Đi khom khi không có chướng ngại vật.

**C.** Đi khom khi có chướng ngại vật.

**D.** Đi khom cao.

1. Trong chiến đấu,động tác lê thường vận dụng trong trường hợp nào?

**A. Nơi gần địch,cần thu hẹp mục tiêu**.

**B.** Là động tác thực hiện sau bò cao.

**C.** Là động tác yêu cầu bụng luôn phải ép sát mặt đất.

**D.** Nơi có điều kiện địa hình rậm rạp.

1. Trong chiến đấu,động tác bò cao hai chân,một tay được vận dụng trong trường hợp nào?

**A.** Cần vận động nhanh từ địa hình này sang địa hình khác.

**B.** Nơi gần địch,có địa hình,địa vật cao ngang tư thế người ngồi.

**C.** Nơi có địa hình,địa vật dễ phát ra tiếng động,cần phải dùng tay để dò mìn.

**D. Nơi gần địch,sẵn sàng dùng súng hoặc một tay dò mìn,mang,ôm khí tài,trang bị.**

1. Tư thế,động tác đi khom thấp khác đi khom cao như thế nào?

**A.** Cơ bản giống nhau,chỉ khác về thân người cúi gập xuống mặt đất.

**B.** Khác hẳn đi khom cao,hai chân và thân người thẳng.

**C.** Như đi khom cao về động tác nhưng động tác hai chân và thân người chậm hơn.

**D. Động tác như đi khom cao nhưng hai chân chùng hơn,người cúi thấp hơn**.

1. Một trong những nội dung yêu cầu của tư thế,động tác vận động cơ bản trên chiến trường là gì?

**A.** Nên vận dụng tư thế vận động thấp cho an toàn.

**B. Vận dụng các tư thế vận động cho phù hợp**.

**C.** Phải vận dụng đủ các tư thế vận động cơ bản.

**D.** Sử dụng tư thế vận động lê,trườn đảm bảo an toàn nhất.

1. Tư thế,động tác nào sau đây không có trong các tư thế động tác vận động cơ bản trên chiến trường?

**A.** Bò cao.

**B.** Lê cao.

**C.** Lê thấp.

**D. Lê vừa**.

1. Trong chiến đấu,tư thế,động tác Trườn được vận dụng trong các trường hợp nào?

**A.** Ở nơi cách địch với cự li vừa phải.

**B.** Để vượt qua nơi địa hình ngập nước.

**C. Để chui qua hàng rào của địch**.

**D.** Là động tác thực hiện sau đi khom.

1. Trong chiến đấu,động tác bò cao được vận dụng trong trường hợp nào?

**A.** Cần vận động nhanh từ địa hình này sang địa hình khác.

**B.** Nơi gần địch,có địa hình địa vật che khuất,che đỡ cao ngang tầm ngực.

**C. Nơi có địa hình,địa vật dễ phát ra tiếng động,cần phải dùng tay để dò mìn.**

**D.** Khi cần vượt qua địa hình bằng phẳng,nơi vật che khuất,che đỡ ngang tầm người nằm.

1. Nội dung nào sau đây không phải là yêu cầu của các tư thế động tác vận động cơ bản trên chiến trường?

**A.** Luôn quan sát địch,địa hình,địa vật và đồng đội.

**B.** Vận dụng các tư thế vận động phù hợp ở mọi địa hình.

**C.** Hành động mưu trí,mau lẹ,bí mật.

**D. Hạn chế quan sát,chớp thời cơ tiến thẳng tới mục tiêu.**

1. Một trong những nội dung yêu cầu của tư thế,động tác vận động cơ bản trên chiến trường là gì?

**A.** Bí mật,an toàn tuyệt đối.

**B.** Hành động nhanh chóng,an toàn.

**C. Hành động mưu trí,mau lẹ,bí mật**.

**D.** Hành động mau lẹ,quyết đoán.

1. Trong chiến đấu,động tác chạy khom được vận dụng trong trường hợp nào?

**A. Cần vận động nhanh từ địa hình này sang địa hình khác.**

**B.** Nơi gần địch,có địa hình,địa vật cao ngang tư thế người ngồi.

**C.** Nơi có địa hình,địa vật dễ phát ra tiếng động,cần phải dùng tay để dò mìn.

**D.** Nơi gần địch,sẵn sàng dùng súng hoặc một tay dò mìn,mang,ôm khí tài,trang bị.

1. Một trong những nội dung yêu cầu của tư thế,động tác vận động cơ bản trên chiến trường là gì?

**A. Luôn quan sát địch,địa hình,địa vật và đồng đội**.

**B.** Tập trung quan sát địa hình để vận động đúng hướng.

**C.** Vừa quan sát địch,địa hình vừa đánh địch.

**D.** Luôn cùng đồng đội đánh địch trong khi vận động.

1. Trong chiến đấu,động tác bò cao được vận dụng trong trường hợp nào?

**A.** Cần vận động nhanh từ địa hình này sang địa hình khác.

**B.** Nơi gần địch,có địa hình,địa vật cao ngang tư thế người ngồi.

**C.** Nơi gần địch,có địa hình địa vật che khuất,che đỡ cao ngang tầm ngực.

**D. Nơi gần địch,sẵn sàng dùng súng hoặc một tay dò mìn,mang,ôm khí tài,trang bị.**

1. Bức ảnh dưới đây mô tả lại động tác nào?

**A.** Đi khom cao khi không có chướng ngại vật.

**B.** Đi khom thấp khi có chướng ngại vật.

**C.** Bò cao hai chân,một tay.

**D. Bò cao hai chân,hai tay.**

1. Khi thực hiện động tác lê thấp cần chú ý gì?

**A.** Thuận tay nào thì tay đó ép sát mặt đất.

**B. Thuận tay nào thì tay kia ép sát mặt đất.**

**C.** Súng luôn đặt trên mặt đất để bảo đảm an toàn.

**D.** Phải luôn đeo súng trên vai,không để súng chạm đất.

1. Nội dung nào sau đây tư thế,động tác vận động cơ bản trên chiến trường?

**A.** Đi thấp.

**B.** Chạy cao.

**C. Bò cao**.

**D.** Lăn nhanh.

1. Một trong những nội dung yêu cầu của tư thế,động tác vận động cơ bản trên chiến trường là gì?

**A. Luôn quan sát địch,địa hình,địa vật và đồng đội**.

**B.** Tập trung quan sát địa hình để vận động đúng hướng.

**C.** Vừa quan sát địch,địa hình vừa đánh địch.

**D.** Luôn cùng đồng đội đánh địch trong khi vận động.

1. Chiến sĩ trong bức ảnh dưới đây đang thực hiện động tác nào?

**A.** Lê cao.

**B.** Lê thấp.

**C. Trườn.**

**D.** Vọt tiến.

1. Khi thực hiện động tác bò cao chân,một tay cần lưu ý điều gì?

**A.** Luôn để súng trên mặt đất để đảm bảo an toàn.

**B. Không đặt cả bàn chân xuống khi di chuyển.**

**C.** Khi tến phải luôn đảm bảo báng súng chạm mặt đất.

**D.** Súng đeo sau lưng; thực hiện 3 chắc 1 di để tiến tới đối tượng.

1. Nội dung nào sau đây không phải là yêu cầu của các tư thế động tác vận động cơ bản trên chiến trường?

**A.** Luôn quan sát địch,địa hình,địa vật và đồng đội.

**B.** Vận dụng các tư thế vận động phù hợp ở mọi địa hình.

**C.** Hành động mưu trí,mau lẹ,bí mật.

**D. Hạn chế quan sát,chớp thời cơ tiến thẳng tới mục tiêu**.

1. Khi thực hiện động tác Lê thấp cần chú ý gì?

**A.** Thuận tay nào thì tay đó ép sát mặt đất.

**B. Thuận tay nào thì tay kia ép sát mặt đất**.

**C.** Súng luôn đặt trên mặt đất để bảo đảm an toàn.

**D.** Phải luôn để súng phía trước.

1. Chiến sĩ trong bức ảnh dưới đây đang thực hiện động tác nào?

**A. Lê cao.**

**B.** Lê thấp.

**C.** Trườn.

**D.** Vọt tiến.

1. Trong chiến đấu,động tác trườn không được thực hiện trong trường hợp nào dưới đây?

**A.** Khi dò,gỡ mìn,chui qua hàng rào của địch.

**B.** Nơi có vật che khuất,che đỡ cao ngang tầm người nằm.

**C.** Khi cần vượt qua địa hình bằng phẳng,gần địch.

**D. Nơi có địa hình trống trải,không có vật che khuất,che đỡ.**

1. Nội dung nào sau đây không phải là trường hợp vận dụng tư thế,động tác Trườn?

**A.** Thường được vận dụng nơi gần địch.

**B.** Vận dụng để chui qua hàng rào của địch.

**C.** Vận dụng để vượt qua địa hình bằng phẳng gần địch.

**D. Khi cần phải che giấu súng nơi gần địch**.

1. Cầm súng trong tư thế,động tác đi khom có chướng ngại vật như thế nào?

**A. Dây súng đeo vào vai phải và tư thế luôn sẵn sàng chiến đấu**.

**B.** Dây súng đeo vào vai trái và luôn nhanh chóng cơ động.

**C.** Sách súng tay phải,tư thế luôn sẵn sàng chiến đấu.

**D.** Súng đeo sau lưng,tư thế gọn gàng,động tác nhanh nhẹn.

1. Khi thực hiện động tác đi khom cần lưu ý điều gì?

**A. Khi đi khom,người không được nhấp nhô,không ôm súng.**

**B.** Khi đi khom,chỉ được đặt nửa bàn chân xuống mặt đất.

**C.** Khi mang súng trường,tay phải đặt vào ốp lót tay của súng.

**D.** Một tay cầm súng,một tay cầm vật chất,khí tài,trang bị.

1. Trong chiến đấu,động tác trườn được vận dụng trong trường hợp nào?

**A.** Cần vượt qua địa hình trống trải hoặc khi địch tạm ngừng hỏa lực.

**B.** Nơi gần địch,có địa hình địa vật che khuất,che đỡ cao ngang tầm ngực.

**C.** Nơi có địa hình,địa vật dễ phát ra tiếng động,cần phải dùng tay để dò mìn.

**D. Khi cần vượt qua địa hình bằng phẳng,nơi vật che khuất,che đỡ ngang tầm người nằm.**

1. Trong chiến đấu,động tác Vọt tiến thường được vận dụng trong trường hợp nào?

**A.** Cần phải vượt qua nơi địch đang dùng hoả lực mạnh.

**B. Khi địch tạm dừng hoả lực**.

**C.** Khi ta đang hành quân ở gần địch.

**D.** Khi ta đang bị máy bay địch theo dõi

**BÀI 1: THƯỜNG THỨC PHÒNG TRÁNH MỘT SỐ LOẠI BOM, MÌN, ĐẠN, VŨ KHÍ HÓC HỌC, VŨ KHÍ SINH HỌC,VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO,THIÊN TAI, DỊCH BỆNH VÀ CHÁY NỔ - GDQP 10 CÁNH DIỀU.**

1. Phòng chống bom,đạn và thiên tai của dân tộc Việt Nam luôn được coi là cuộc đấu tranh gì?

**A. Sinh tồn,gắn với đấu tranh dựng nước và giữ nước**.

**B.** Dựng nước và giữ nước.

**C.** Một mất một còn trong giữ nước.

**D.** Dựng nước của dân tộc.

1. Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng đặc điểm của tên lửa hành trình?

**A.** Được phóng đi từ trên đất liền,tàu nổi,tàu ngầm hoặc máy bay.

**B. Được điều kiển theo chương trình tính sẵn đến mục tiêu đã định.**

**C.** Dùng để đánh phá các mục tiêu cố định như:nhà ga,khu dân cư….

**D.** Dùng để theo dõi,bắn phá các mục tiêu di động:con người,xe vận tải…

.

1. Bom phát quang là tên gọi khác để chỉ loại bom nào dưới đây?

**A.** Bom CBU-24.

**B. Bom CBU-55.**

**C.** Bom GBU-17.

**D.** Bom MK-82.

1. Tác dụng chủ yếu của bom,đạn hóa học chứa khí độc là gì?

**A. Để sát thương sinh lực đối phương**.

**B.** Làm thay đổi môi trường sống của đối phương.

**C.** Phá hoại các loại vũ khí của đối phương.

**D.** Làm nhiễm độc nguồn nước của đối phương.

1. Loại bom nào dưới đây chuyên dùng để đánh phá các thiết bị điện tử?

**A.** Bom mềm.

**B.** Bom cháy.

**C. Bom điện từ.**

**D.** Bom từ trường.

1. Bom hóa học là

**A.** Loại bom chuyên dùng để đánh phá mạng lưới điện của đối phương.

**B.** Loại bom chuyên dùng để đánh phá các thiết bị điện tử của đối phương.

**C.** Được dùng để bắn phá các mực tiêu giao thông:cầu lớn,nhà ga….

**D. Là loại bom chưa các khí độc,chủ yếu để sát thương sinh lực đối phương.**

1. Muốn ngụy trang tốt để phòng tránh bom,đạn của địch phải làm gì?

**A.** Đánh trả địch hiệu quả.

**B.** Chuẩn bị tốt tinh thần.

**C.** Không chủ quan coi thường địch.

**D. Ngụy trang kết hợp nghi binh đánh lừa**.

1. Bom mềm là

**A. Loại bom chuyên dùng để đánh phá mạng lưới điện của đối phương.**

**B.** Loại bom chuyên dùng để đánh phá các thiết bị điện tử của đối phương.

**C.** Được dùng để bắn phá các mực tiêu giao thông:cầu lớn,nhà ga….

**D.** Là loại bom chưa các khí độc,chủ yếu để sát thương sinh lực đối phương.

1. Bom điện từ là

**A.** Loại bom chuyên dùng để đánh phá mạng lưới điện của đối phương.

**B. Loại bom chuyên dùng để đánh phá các thiết bị điện tử của đối phương.**

**C.** Được dùng để bắn phá các mực tiêu giao thông:cầu lớn,nhà ga….

**D.** Là loại bom chưa các khí độc,chủ yếu để sát thương sinh lực đối phương.

1. Trong chiến tranh,địch thường dùng loại bom,đạn nào để phá hủy hệ thống điện của ta?

**A.** Thủy lôi từ trường.

**B.** Tên lửa hành trình.

**C. Bom điện từ**.

**D.** Bom từ trường.

1. Loại bom nào dưới đây chuyên dùng để đánh phá mạng lưới điện của đối phương?

**A.** Bom phát quang.

**B. Bom mềm.**

**C.** Bom hóa học.

**D.** Bom GBU-17.

1. Nội dung cụ thể của các biện pháp phòng tránh bom,đạn của địch không có một trong các nội dung sau?

**A.** Phải tổ chức trinh sát kịp thời.

**B.** Ngụy trang,giữ bí mật chống trinh sát của địch.

**C.** Phải thông báo,báo động kịp thời.

**D. Nên hoạt động ở nơi ít bom đạn**.

1. Loại bom nào dưới đây chuyên dùng để đánh phá các thiết bị điện tử của đối phương?

**A.** Bom CBU-55.

**B.** Bom hóa học.

**C. Bom xung điện từ.**

**D.** Bom CBU-24.

1. Để khắc phục hiệu quả,kịp thời khi có tình huống bom,đạn địch gây ra cần lưu ý gì?

**A.** Nhanh chóng rời khỏi nơi xảy ra tình huống đó.

**B.** Phải cứu người trước,cứu mình sau.

**C.** Dứt khoát phải có lực lượng y tế để cứu người.

**D. Tự cứu là chính,nhanh chóng báo cho đội cấp cứu**.

1. Bom CBU-24 và CBU-55 đều

**A. Là loại bom chùm dạng catxet.**

**B.** Chuyên dùng để đánh phá các thiết bị điện tử.

**C.** Chứa các khí độc,gây sát thương cho đối phương.

**D.** Chuyên dùng để đánh phá mạng lưới điện.

1. Bom CBU-55 thường được sử dụng để

**A. phát quang cây cối,dọn bãi đổ bộ cho máy bay lên thẳng.**

**B.** gây bỏng rát,ho,ngứa,suy nhược thần kinh… cho đối phương.

**C.** đánh phá mạng lưới điện của đối phương,không sát thương sinh lực.

**D.** đánh phá các thiết bị điện tử của đối phương,không sát thương sinh lực.

1. Thiệt hại nào sau đây không phải do bom,đạn địch gây ra?

**A. Lũ lụt lớn,sạt lở núi và lũ quét đã phá hủy đường giao thông**.

**B.** Chất cháy Na pan làm cháy rừng trên một diện tích rộng lớn.

**C.** Chất độc hóa học đã hủy diệt môi trường sống của con người.

**D.** Vũ khí chính xác gây nhiều thiệt hại về người và của cho đối phương.

1. Bom hóa học thường được sử dụng để

**A.** tiến công trực tiếp vào các mục tiêu kiên cố:cầu,cống,sân bay….

**B. gây bỏng rát,ho,ngứa,suy nhược thần kinh… cho đối phương.**

**C.** phá hỏng các thiết bị và hệ thống điện của đối phương.

**D.** phát quang cây cối,dọn bãi đổ bộ cho máy bay lên thẳng.

1. Nội dung nào dưới đây không phản ánh dudngs biện pháp phòng tránh bom,đạn?

**A.** Tổ chức trinh sát,thông báo,báo động.

**B.** Ngụy trang,giữ bí mật chống trinh sát của địch.

**C.** Làm hầm,hố phòng tránh bom,đạn.

**D. Tập trung,tụ họp dân cư ở một khu vực.**

1. Để khắc phục hiệu quả,kịp thời khi bom,đạn địch gây cháy cần lưu ý gì?

**A. Phải cứu người trước**.

**B.** Sơ tán vật dễ cháy trước.

**C.** Ưu tiên cho dập cháy trước.

**D.** Cách li khu vực cháy không cho lan rộng trước.

1. Loại bom nào dưới đây không gây sát thương về sinh lực cho đối phương?

**A.** Bom cháy.

**B.** Bom CBU-24.

**C.** Bom CBU-55.

**D. Bom mềm.**

1. Loại bom nào dưới đây được dùng để tiến công trực tiếp vào các mục tiêu kiên cố như:cầu,cống,sân bay,đài phát thanh,truyền hình?

**A.** Bom hóa học.

**B. Bom GBU-29/30/31/32/15JDAM.**

**C.** Bom điện từ.

**D.** Bom Từ trường.

1. Muốn ngụy trang,giữ bí mật tốt để chống trinh sát của địch phải làm gì?

**A. Giữ vững bí mật mục tiêu**.

**B.** Phải cố gắng giữ mục tiêu khi địch trinh sát.

**C.** Không sử dụng vũ khí khi địch tiến công.

**D.** Đấu tranh với địch phải giữ bí mật.

1. Nội dung nào dưới đây không phản ánh dudngs biện pháp phòng tránh bom,đạn?

**A.** Tổ chức trinh sát,thông báo,báo động.

**B.** Ngụy trang,giữ bí mật chống trinh sát của địch.

**C.** Làm hầm,hố phòng tránh bom,đạn.

**D. Tập trung,tụ họp dân cư ở một khu vực.**

1. Lực lượng nào đảm nhiệm chủ yếu việc đánh trả kịp thời để hạn chế tác hại của bom,đạn địch?

**A.** Lực lượng dân quân đánh trả là chủ yếu.

**B.** Lực lượng thanh niên xung kích đánh trả.

**C. Lực lượng vũ trang đánh trả**.

**D.** Lực lượng không quân đánh trả.

1. Thiệt hại nào sau đây không phải do bom,đạn địch gây ra?

**A. Lũ lụt lớn,sạt lở núi và lũ quét đã phá hủy đường giao thông.**

**B.** Chất cháy Na pan làm cháy rừng trên một diện tích rộng lớn.

**C.** Chất độc hóa học đã hủy diệt môi trường sống của con người.

**D.** Chất độc hóa học để lại hậu quả lớn đối với sức khỏe con người.

1. Khi Napan cháy bám lên quần áo,cần phải xử lí thế nào?

**A.** Bình tĩnh,dùng que quấn bông hoặc vải gại nhẹ Napan ra.

**B. Nhanh chóng cởi bỏ quần áo hoặc dập bằng chăn/ màn ướt.**

**C.** Nhanh chóng ra khỏi khu vực có Napan,chạy cùng hướng gió.

**D.** Bình tĩnh,dùng tay phủi ngay để dập tăt đám cháy.

1. Hiểu biết về một số loại bom,đạn và thiên tai để làm gì?

**A.** Khắc phục triệt để mọi sự cố thiên tai,các loại bom,đạn gây ra.

**B. Để phòng tránh,giảm nhẹ hoặc loại trừ thiệt hại do chúng gây ra**.

**C.** Kịp thời chủ động để xử lí mọi sự cố do bom,đạn để lại.

**D.** Chủ động để xử lí mọi tình huống khi bão lụt xảy ra.

1. Một nội dung biện pháp phòng tránh bom,đạn của địch là gì?

**A.** Khẩn trương sơ tán khi có bom đạn.

**B.** Ngụy trang thân thể kín đáo.

**C. Sơ tán,phân tán các nơi tập trung dân cư**.

**D.** Tập trung vào nơi an toàn nhất có lực lượng bảo vệ.

1. Nhôm,phốt pho,Napan hoặc xăng,dầu hỏa,benzen… thường được sử dụng để chế tạo loại bom nào dưới đây?

**A.** Bom mềm.

**B.** Bom phát quang.

**C. Bom cháy.**

**D.** Bom từ trường.

**B**ài 2:Kĩ thuật cấp cứu và chuyển thương - GDQP 10 Cánh diều.

1. Nội dung nào sau đây không phải là tổn thương do gãy xương?

**A.** Xương bị gãy rạn,gãy rời thành 2 hay nhiều mảnh.

**B. Mất tri giác,cảm giác và vận động,hệ bài tiết ngừng hoạt động**.

**C.** Da,cơ bị giập nát nhiều,có thể tổn thương mạc máu và dây thần kinh.

**D.** Rất dễ gây choáng do đau đớn,mất máu và nhiễm trùng do ô nhiễm.

1. Tình trạng chảy máu động mạch không có đặc điểm nào dưới đây?

**A.** Máu màu đỏ tươi.

**B.** Máu chảy vọt thành tia hoặc trào qua miệng vết thương.

**C. Lượng máu ít hoặc rất ít,có thể tự cầm sau ít phút.**

**D.** Lượng máu nhiều/ rất nhiều tùy theo động mạch bị tổn thương.

.

1. Nội dung nào sau đây không phải là mục đích của cố định tạm thời xương gãy?

**A.** Làm giảm đau đớn,cầm máu tại vết thương.

**B. Làm cho nạn nhân có thể vận động lại bình thường**.

**C.** Giữ cho đầu xương tương đối yên tĩnh.

**D.** Phòng ngừa các biến chứng:choáng,tổn thương thứ phát,nhiễm khuẩn.

1. Nội dung nào sau đây không phải là biện pháp xử trí cầm máu vết thương tạm thời?

**A.** Ấn động mạch.

**B.** Gấp chi tối đa.

**C.** Garô.

**D. Buộc mạch máu.**

1. Nẹp cẳng tay gồm 2 nẹp

**A. 30 cm và 35 cm**.

**B.** 20 cm và 35 cm.

**C.** 25 cm và 30 cm.

**D.** 30 cm và 30 cm.

1. Khi bị chảy máu nhiều ở bàn tay và cẳng tay cần nhanh chóng thực hiện kĩ thuật nào dưới đây?

**A.** Gấp cánh tay vào thân người.

**B.** Ấn động mạch ở hõm xương đòn.

**C. Gấp cẳng tay vào cánh tay.**

**D.** Ấn động mạch cảnh.

1. Nẹp cẳng chân gồm 2 nẹp

**A.** 40 cm và 40 cm.

**B.** 40 cm và 50 cm.

**C. 50 cm và 50 cm**.

**D.** 60 cm và 60 cm.

1. Kĩ thuật gấp chi tối đa không thực hiện được trong trường hợp nào dưới đây?

**A. Nạn nhân bị gãy xương kèm theo chảy máu.**

**B.** Chảy máu nhiều ở cẳng tay và cánh tay.

**C.** Chảy máu do tổn thương động mạch cánh tay.

**D.** Nạn nhân bị chảy máu bàn tay và cẳng tay.

1. Nẹp đùi gồm 3 nẹp

**A.** 100 cm,80 cm và 60 cm.

**B.** 120 cm,110 cm và 100 cm.

**C. 120 cm,100 cm và 80 cm**.

**D.** 140 cm,120 cm và 100 cm.

1. Nội dung nào sau đây không phải là tổn thương do gãy xương?

**A.** Xương bị gãy rạn,gãy rời thành 2 hay nhiều mảnh.

**B. Mất tri giác,cảm giác và vận động,hệ bài tiết ngừng hoạt động.**

**C.** Da,cơ bị giập nát nhiều,có thể tổn thương mạc máu và dây thần kinh.

**D.** Rất dễ gây choáng do đau đớn,mất máu và nhiễm trùng do ô nhiễm.

1. Nội dung nào sau đây không phải là nguyên nhân gây ngạt thở?

**A.** Do ngạt nước (đuối nước).

**B.** Bị vùi lấp do sập hầm,đổ nhà….

**C. Do ăn phải các chất độc**.

**D.** Do hít phải chất độc.

1. Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy?

**A.** Nẹp cố định phải cố định được cả khớp trên và khớp dưới ổ gãy.

**B. Phải đặt nẹp cứng sát vào chi,phải đệm,lót bằng bông mỡ,gạc.**

**C.** Không co kéo,nắn chỉnh ổ gãy tránh tai biến nguy hiểm cho nạn nhân.

**D.** Băng cố định nẹp vào chi phải tương đối chắc,không nẹp xộc xệch.

1. Ép tim ngoài lồng ngực cho nạn nhân tim đã ngừng đập,với nhịp độ bao nhiêu?

**A.** 30 – 40 lần/phút.

**B.** 40 – 50 lần/phút.

**C. 50 – 60 lần/phút**.

**D.** 60 – 70 lần/phút.

1. Khi có hai người làm,kỹ thuật thổi ngạt và ép tim ngoài lồng ngực cho nạn nhân bị ngất như thế nào?

**A. Thổi ngạt 1 lần,ép tim 5 lần**.

**B.** Thổi ngạt 2 lần,ép tim 5 lần.

**C.** Thổi ngạt 1 lần,ép tim 10 lần.

**D.** Thổi ngạt 2 lần,ép tim 15 lần.

1. Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng nguyên tắc khi thực hiện kĩ thuật Ga-rô?

**A.** Đặt Ga-rô ngay sát phía trên vết thương và để lộ ra ngoài để dễ nhận ra.

**B.** Nhanh chóng chuyển nạn nhân về các cơ sở khám chữa bệnh gần nhất.

**C.** Có phiếu ghi rõ các thông tin của nạn nhân và người thực hiện Ga-rô.

**D. Trong quá trình di chuyển nạn nhân,cứ 3 giờ phải thay Ga-ro một lần.**

1. Khi chỉ có một người làm,kỹ thuật thổi ngạt và ép tim ngoài lồng ngực cho nạn nhân bị ngất như thế nào?

**A.** Thổi ngạt 1 lần,ép tim 5 lần.

**B. Thổi ngạt 2 lần,ép tim 15 lần**.

**C.** Thổi ngạt 2 lần,ép tim 10 lần.

**D.** Thổi ngạt 3 lần,ép tim 15 lần.

1. Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng mục đích cầm máu tạm thời?

**A.** Hạn chế đến mức thấp nhất sự mất máu.

**B.** Góp phần cứu sống tính mạng người bị nạn.

**C.** Nạn nhân tránh gặp phải các tai biến nguy hiểm.

**D. Nhanh chóng cầm máu giúp nạn nhân hết đau đớn.**

1. Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng nguyên tắc khi cầm máu tạm thời?

**A.** Khẩn trương,nhanh chóng làm ngừng chảy máu.

**B.** Xử trí đúng chỉ định theo tính chất của vết thương.

**C.** Tiến hành cầm máu đúng quy trình kĩ thuật.

**D. Xử lí từng bước,chậm rãi,cẩn thận để đảm bảo an toàn.**

1. Hiện tượng chảy máu mao mạch có đặc điểm nào dưới đây?

**A. Máu đỏ thẫm,thấm ra tại chỗ bị thương,lượng máu ít,có thể tự cầm sau ít phút.**

**B.** Máu đỏ thẫm,chảy ri rỉ tại chỗ bị thương,lượng máu vừa phải,không nguy hiểm.

**C.** Máu đỏ tươi,chảy vọt thành tia hoặc trào qua miệng vết thương,lượng máu nhiều.

**D.** Máu đỏ thẫm,chả vọt thành tia nhưng không nguy hiểm,có thể tự cầm sau ít phút.

1. Bước đầu tiên khi tiến hành đặt ga rô là gì?

**A. Ấn động mạch phía trên vết thương**.

**B.** Lót gạc chỗ định đặt ga rô.

**C.** Băng vết thương và làm các thủ tục hành chính.

**D.** Đặt ga rô rồi từ từ xoắn đến khi không thấy máu chảy ở vết thương.

1. Hiện tượng chảy máu tĩnh mạch vừa và nhỏ có đặc điểm nào dưới đây?

**A.** Máu đỏ thẫm,thấm ra tại chỗ bị thương,lượng máu ít,có thể tự cầm sau ít phút.

**B. Máu đỏ thẫm,chảy ri rỉ tại chỗ bị thương,lượng máu vừa phải,không nguy hiểm.**

**C.** Máu đỏ tươi,chảy vọt thành tia hoặc trào qua miệng vết thương,lượng máu nhiều.

**D.** Máu đỏ thẫm,chả vọt thành tia nhưng không nguy hiểm,có thể tự cầm sau ít phút.

1. Nẹp cánh tay gồm 2 nẹp

**A.** 30 cm và 35 cm. **B. 20 cm và 35 cm**. **C.** 25 cm và 30 cm.

**D.** 30 cm và 30 cm.

1. Hiện tượng chảy máu động mạch có đặc điểm nào dưới đây?

**A.** Máu đỏ thẫm,thấm ra tại chỗ bị thương,lượng máu ít,có thể tự cầm sau ít phút.

**B.** Máu đỏ thẫm,chảy ri rỉ tại chỗ bị thương,lượng máu vừa phải,không nguy hiểm.

**C. Máu đỏ tươi,chảy vọt thành tia hoặc trào qua miệng vết thương,lượng máu nhiều.**

**D.** Máu đỏ thẫm,chả vọt thành tia nhưng không nguy hiểm,có thể tự cầm sau ít phút.

1. Đối với gãy xương cẳng chân cần cố định chi gãy vào nẹp ở mấy vị trí?

**A.** 2 vị trí. **B. 3 vị trí**. **C.** 4 vị trí. **D.** 5 vị trí.

1. Khi chảy máu nhiều ở cẳng tay,cánh tay cần thực hiện kĩ thuật ấn động mạch ở vị trí nào?

**A.** Cổ tay. **B. Mặt trong cánh tay. C.** Nách. **D.** Dưới đòn ở hõm xương đòn.

1. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy không có nội dung nào dưới đây?

**A.** Nẹp cố định phải cố định được cả khớp trên và khớp dưới ổ gãy.

**B.** Không đặt nẹp cứng sát vào chi,phải đệm lót bằng bông mỡ,gạc.

**C. Phải có phiếu cố định tạm thời xương gãy,có ký hiệu ưu tiên vận chuyển**.

**D.** Không co kéo nắn chỉnh ổ gãy,băng cố định nẹp vào chi phải chắc chắn.

1. Khi chảy máu nhiều ở bàn tay cần thực hiện kĩ thuật ấn động mạch ở vị trí nào?

**A. Cổ tay. B.** Mặt trong cánh tay. **C.** Nách. **D.** Dưới đòn ở hõm xương đòn.

1. Đối với gãy xương đùi cần cố định chi gãy vào nẹp ở mấy vị trí?

**A.** 2 vị trí. **B.** 3 vị trí. **C.** 4 vị trí. **D. 5 vị trí**.

1. Khi chảy máu nhiều ở hố nách cần thực hiện kĩ thuật ấn động mạch ở vị trí nào?

**A.** Cổ tay. **B.** Mặt trong cánh tay.

**C.** Nách. **D. Dưới đòn ở hõm xương đòn.**

1. Kĩ thuật gấp chi tối đa không thực hiện được trong trường hợp nào dưới đây?

**A. Nạn nhân bị gãy xương kèm theo chảy máu. B.** Chảy máu nhiều ở cẳng tay và cánh tay.

**C.** Chảy máu do tổn thương động mạch cánh tay. **D.** Nạn nhân bị chảy máu bàn tay và cẳng tay.